



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN

THẬN TRỌNG CHỜ CƠ HỘI

Ngày: 04/08/2025 – 08/08/2025



NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN



TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

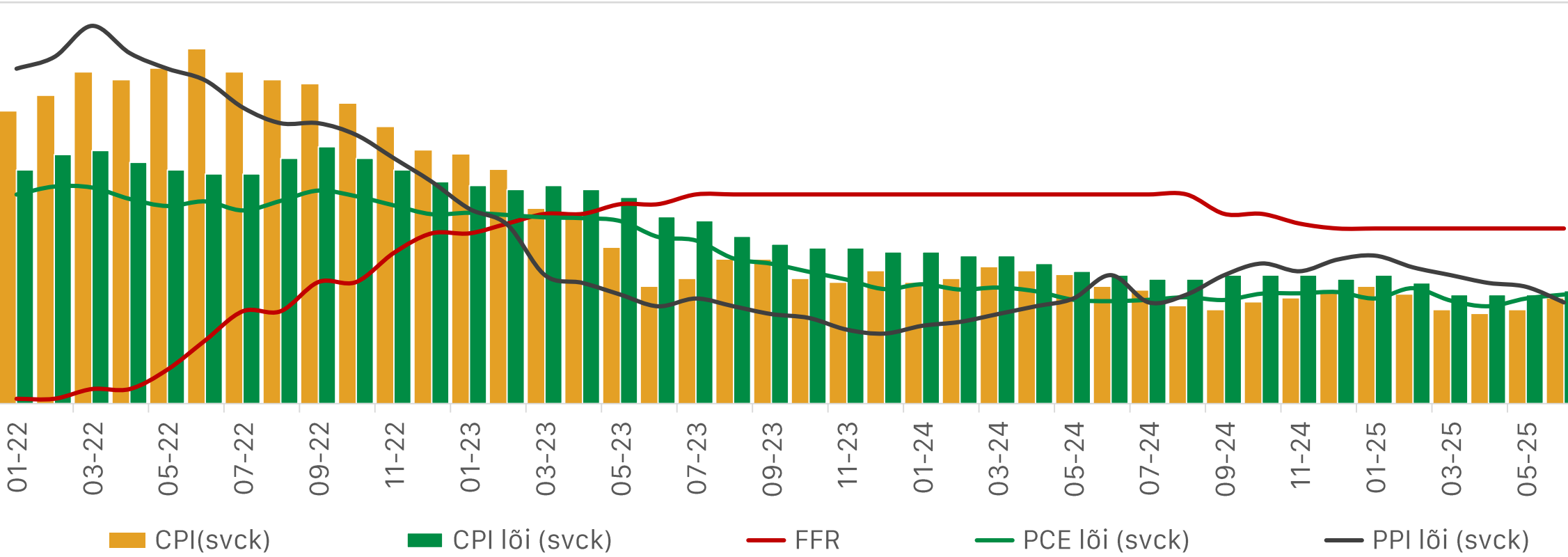


MỸ : SỰ ỔN ĐỊNH TƯƠNG ĐỐI CÓ THỂ KHÔNG KÉO DÀI

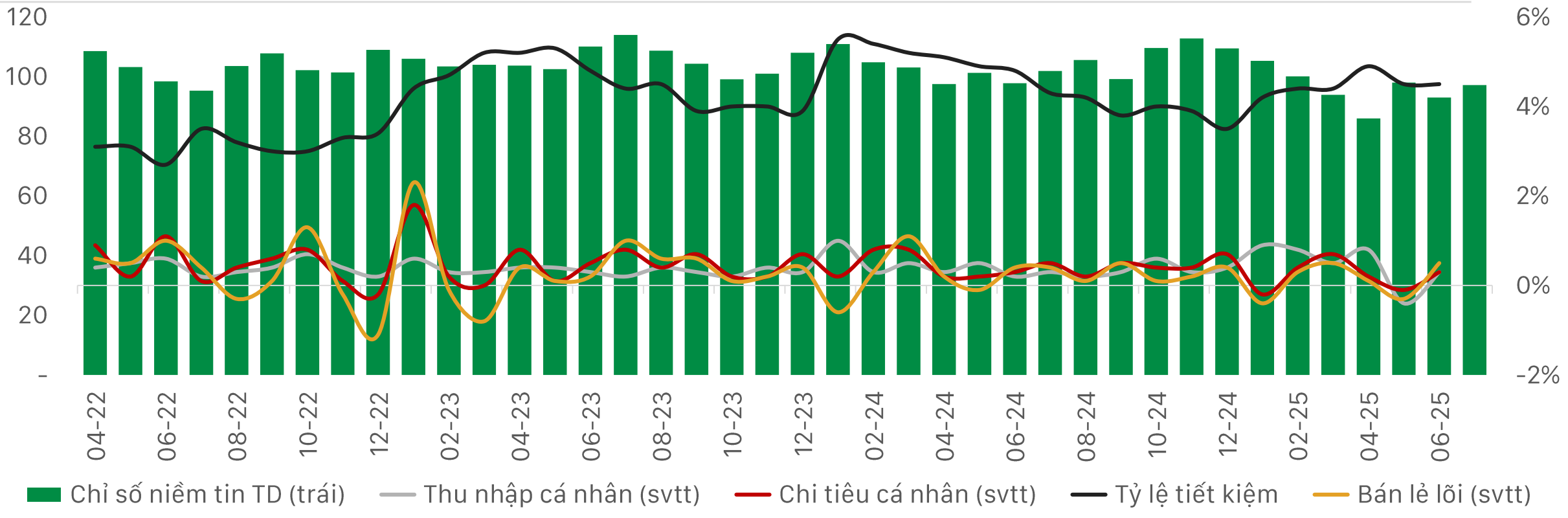


Bức tranh kinh tế Mỹ cho thấy sự phục hồi mang tính kỹ thuật: mức tăng GDP cao nhưng không bền vững, còn thị trường lao động bắt đầu thể hiện dấu hiệu tổn thương. Mặc dù lạm phát có xu hướng ổn định ở mức tương đối cao nhưng phần lớn áp lực giá đang đến từ thuế quan và yếu tố kỹ thuật hơn là lạm phát nền. Cục Dự trữ Liên bang có thể sớm hạ lãi suất — khả năng đợt cắt đầu tiên vào cuối quý III hoặc đầu quý IV — nếu thị trường lao động tiếp tục suy yếu và lạm phát tỏ ra bền vững.

Lạm phát tăng nhẹ nhưng chủ yếu do thuế quan

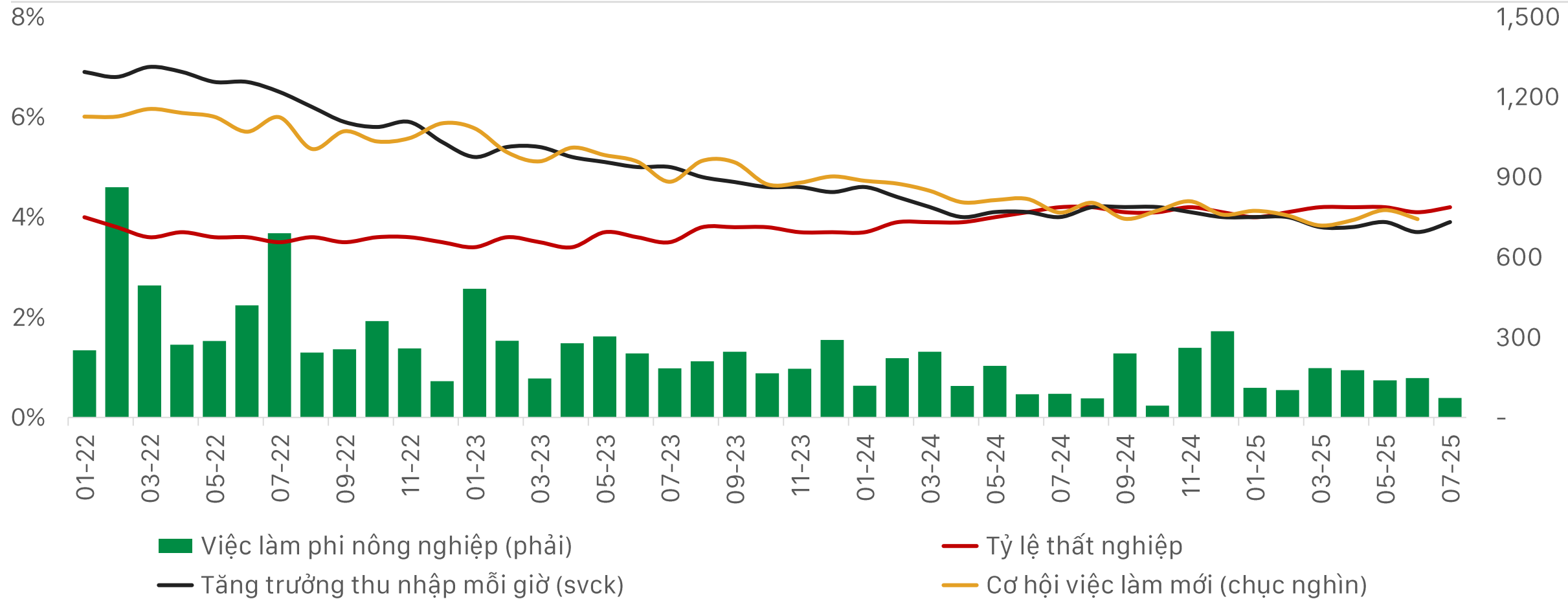


Chi tiêu và niềm tin tiêu dùng tăng nhẹ trở lại



- **Phục hồi quý II che giấu yếu tố nội tại yếu:** GDP Mỹ quý II phục hồi lên khoảng 3% (tăng từ -0.5% quý I), nhưng chủ yếu nhờ giảm nhập khẩu, trong khi tiêu dùng và đầu tư tăng ở mức thấp nhất 2 ½ năm
- **Thị trường lao động bắt đầu rạn nứt:** Tổng số việc làm mới tháng 7 chỉ đạt khoảng 73.000, nhiều báo cáo việc làm tháng trước bị điều chỉnh giảm mạnh, tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ lên 4.2%
- **Lạm phát tăng nhẹ nhưng chủ yếu do thuế quan:** Lạm phát vẫn ở mức cao nhưng yếu tố đẩy tăng chủ yếu từ tác động thuế quan mới (~0.1–0.2 điểm), trong khi lạm phát nền (core) vẫn dai dẳng quanh 2.75–3%. Các quan chức Fed bắt đầu thảo luận cắt giảm lãi suất khi dữ liệu cho thấy thị trường lao động yếu dần

Thị trường lao động bắt đầu rạn nứt

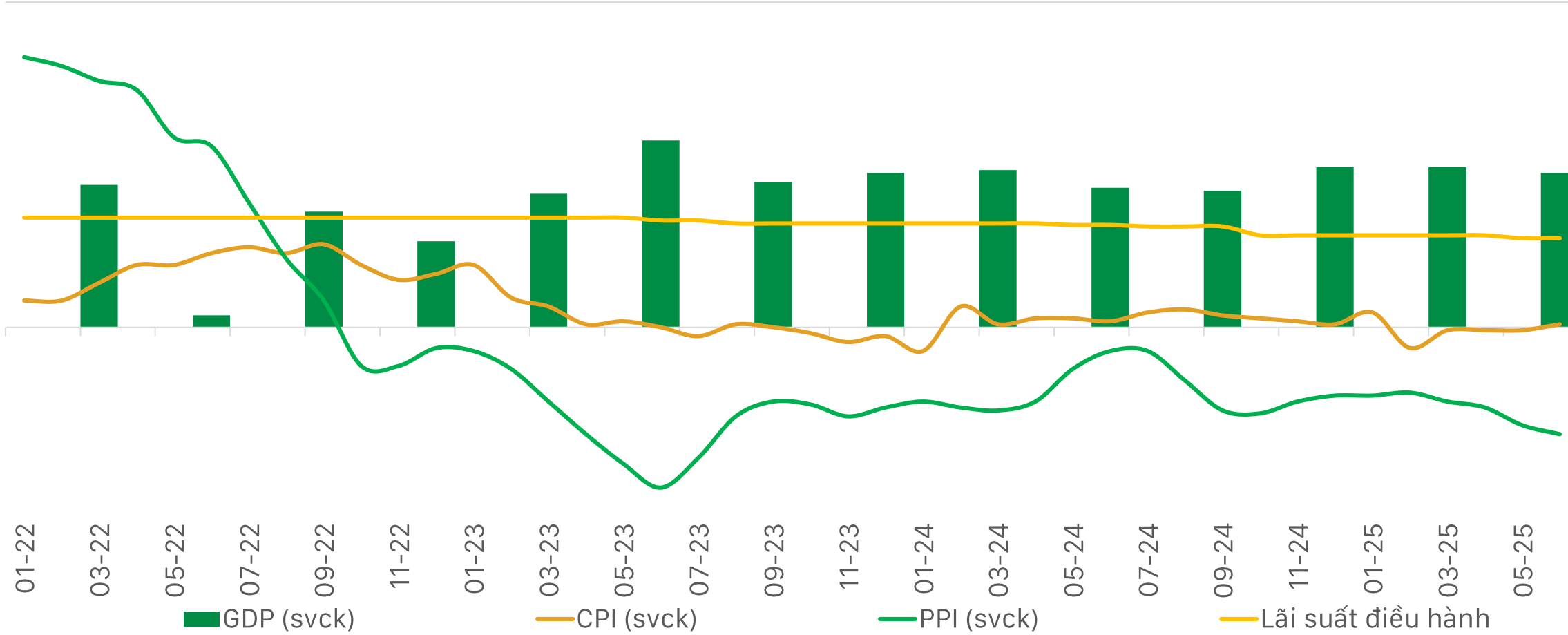


TRUNG QUỐC: NỘI LỰC SUY YẾU ĐE DỌA ĐÀ PHỤC HỒI



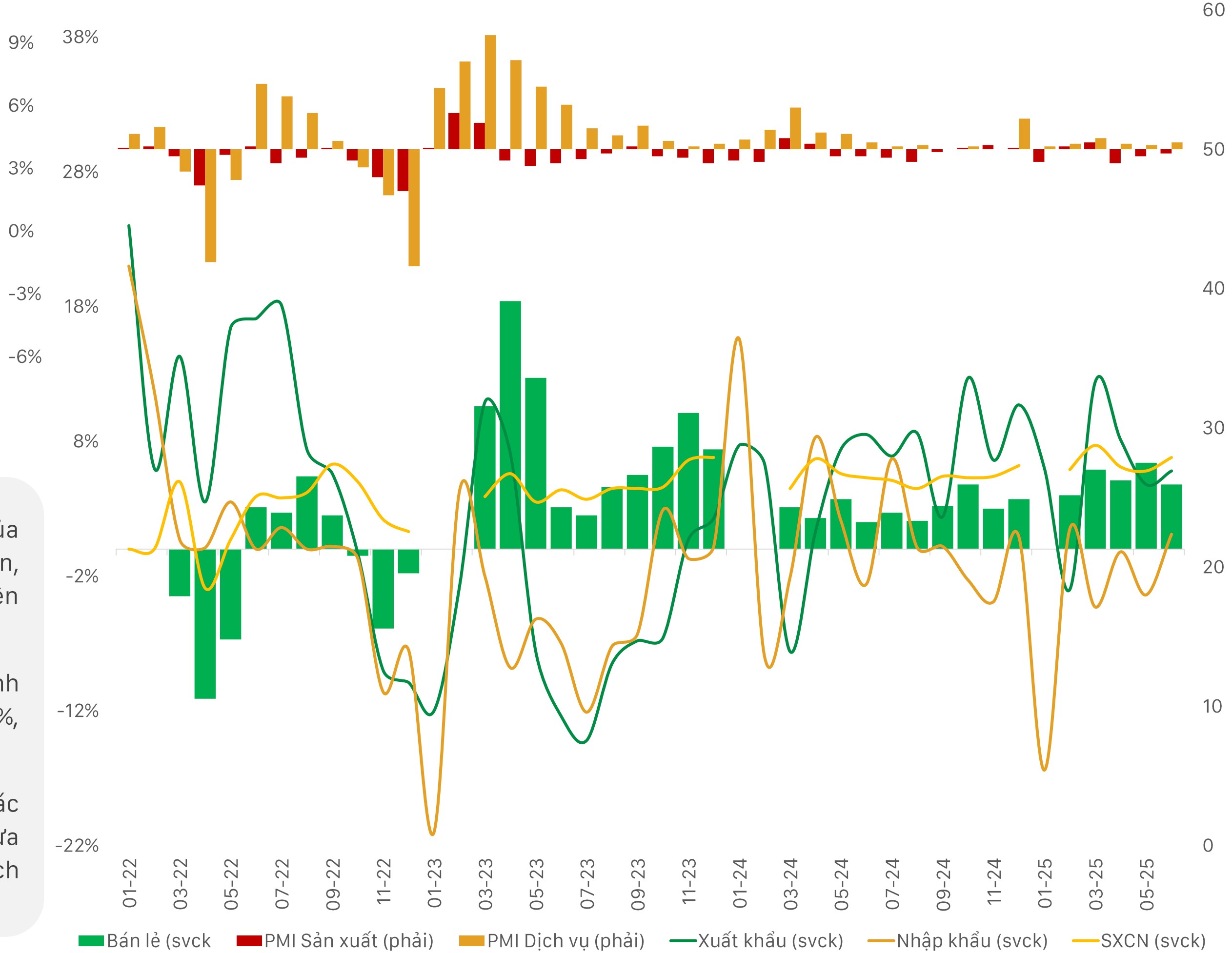
Trung Quốc đang duy trì phục hồi nhưng nền tảng tăng trưởng vẫn yếu, quá phụ thuộc vào xuất khẩu và đầu tư công nghiệp trong khi nội lực tiêu dùng chưa được cải thiện. Tăng trưởng năm 2025 có thể đạt khoảng 4.5–4.8%, thấp hơn mục tiêu, và càng gần cuối năm sẽ càng khó duy trì đà nếu không có cải cách sâu. Nền kinh tế chịu sức ép từ giảm phát kéo dài, nhu cầu nội địa yếu và rủi ro suy giảm chuỗi cung ứng trong bối cảnh căng thẳng thương mại vẫn chưa được giải quyết. Cần có những sự cải thiện sắp tới như chuyển hướng mạnh mẽ sang tiêu dùng nội địa, cải tổ chính sách tài khóa và giải quyết vấn đề công suất dư thừa, sẽ tạo nên khác biệt trong khả năng phục hồi bền vững của nền kinh tế.

Lạm phát thấp, nguy cơ giảm phát vẫn hiện hữu



- **Tăng trưởng dựa trên công nghiệp và xuất khẩu:** Nửa cuối tháng 7 đến nay, GDP quý II của Trung Quốc tăng khoảng 5.2% so cùng kỳ, giúp cả nước đạt 5.3% trong nửa đầu năm. Tuy nhiên, sự phụ thuộc lớn vào công nghiệp xuất khẩu khiến tăng trưởng dễ bị ảnh hưởng nếu nhu cầu bên ngoài giảm sút
- **Tiêu dùng nội địa yếu, áp lực giảm phát vẫn hiện hữu:** Mặc dù các ngành công nghiệp chính tăng trưởng mạnh, tiêu dùng hộ gia đình vẫn diễn biến chậm với mức tăng bán lẻ chỉ hơn 4–5%, trong khi chỉ số giá sản xuất (PPI) tiếp tục âm, kéo dài xu hướng giảm phát
- **Chính sách hỗ trợ thận trọng, sức mạnh nội tại còn giới hạn:** Mặc dù chính phủ triển khai các biện pháp kích cầu chọn lọc và giữ lãi suất thấp, các gói hỗ trợ tài khóa vẫn còn giới hạn và chưa đủ để giải quyết tình trạng dư thừa công suất, nợ công địa phương tăng cao và nhu cầu cải cách cơ cấu sâu sắc

Thị trường lao động vẫn vững vàng nhưng có dấu hiệu thận trọng

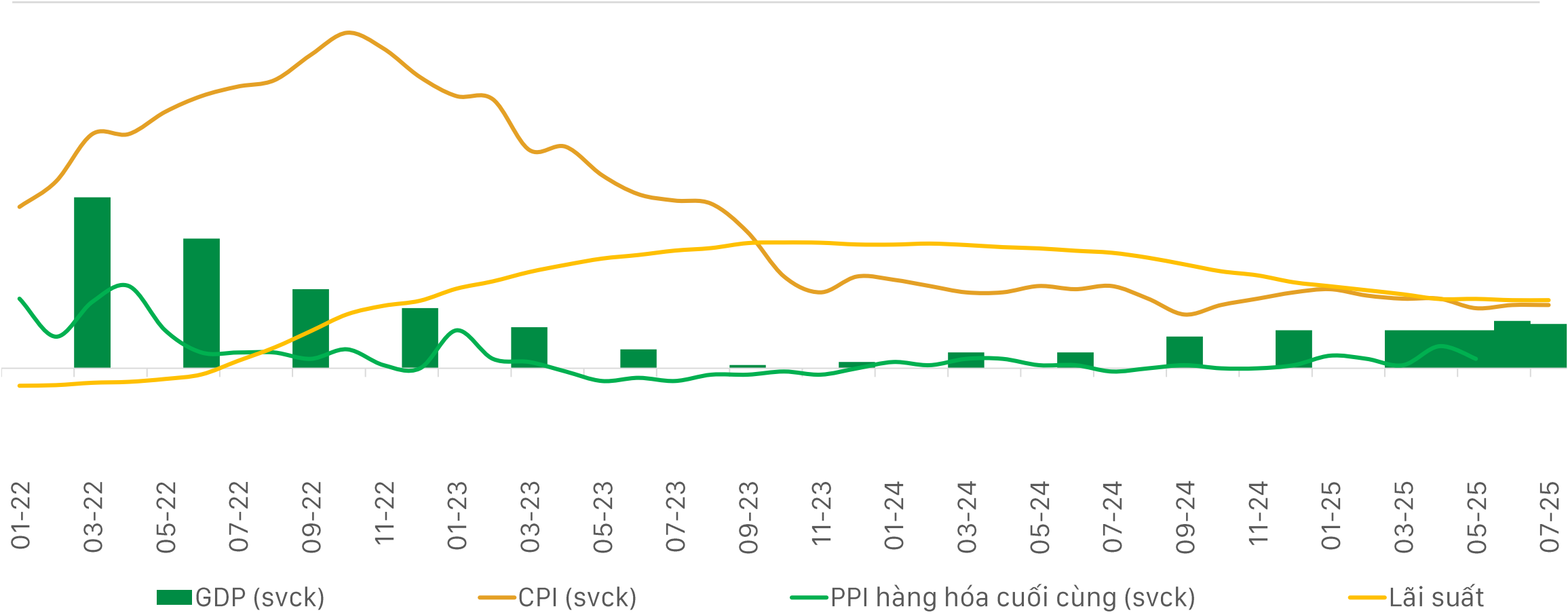


CHÂU ÂU: BƯỚC ĐI THẬN TRỌNG GIỮA ỔN ĐỊNH VÀ TRÌ TRỆ



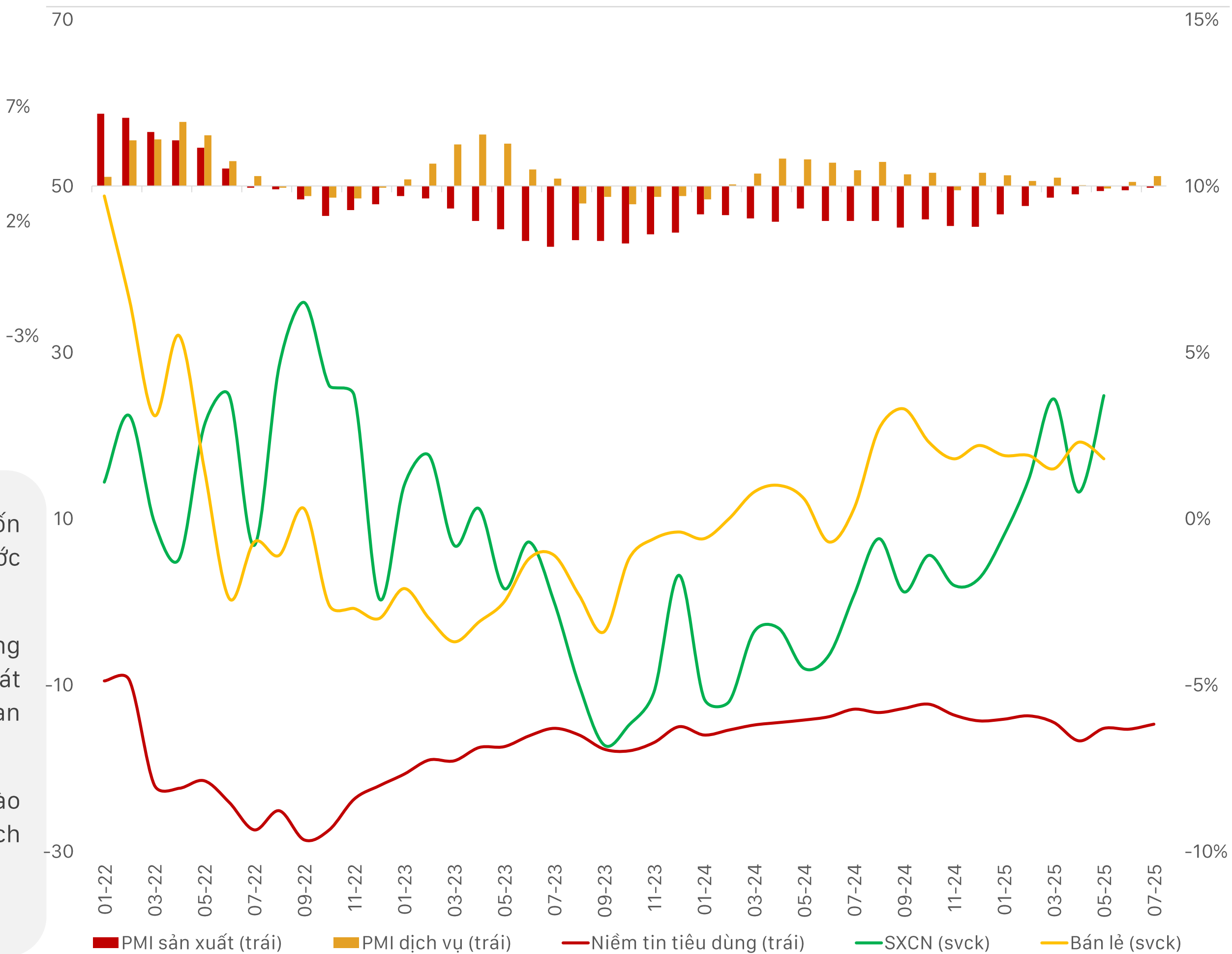
Châu Âu đang vận hành với nền kinh tế yếu ớt nhưng có độ ổn định vừa đủ để vượt qua áp lực từ căng thẳng thương mại và đồng euro mạnh. ECB giữ cửa ôn hòa trong chính sách tiền tệ, lùi khả năng cắt lãi suất đến khi có dấu hiệu rõ ràng thị trường lao động suy yếu sâu hoặc lạm phát tụt thấp hơn mục tiêu. Trong bối cảnh tăng trưởng nội địa chậm, sự phối hợp giữa chính sách tài khóa và đầu tư chiến lược vùng vẫn là yếu tố quyết định khả năng phục hồi bền vững.

Tăng trưởng yếu nhưng bền sức - Lạm phát ổn định quanh mục tiêu



- Tăng trưởng yếu nhưng bền sức:** GDP khu vực đồng euro vẫn đạt mức tăng trưởng khá khiêm tốn khoảng +0,1% quý II, phản ánh trạng thái phục hồi rất nhẹ sau cú hẫng đầu năm 2025. Các nước như Tây Ban Nha và Pháp đóng vai trò giữ nhịp chính, trong khi Đức và Italia vẫn gặp khó khăn
- Lạm phát ổn định quanh mục tiêu, kỳ vọng giảm giá tiếp tục củng cố:** Lạm phát tiêu dùng (headline CPI) ổn định ở mức 2,0% tháng 7/2025, đúng ngưỡng mục tiêu của ECB. Còn lạm phát nền (core inflation) khoảng 2,3%, với kỳ vọng tiêu dùng hạ nhiệt sẽ tiếp tục củng cố trong thời gian tới
- PMI cải thiện nhẹ, nhưng chưa vượt vùng co hẹp:** Chỉ số PMI ngành sản xuất đạt 49,8 vào tháng 7, cao nhất 3 năm nhưng vẫn dưới ngưỡng 50. PMI ngành dịch vụ ở mức 51,2, cho thấy dịch vụ vẫn tăng trưởng nhẹ trong khi sản xuất chỉ đang tiệm cận điểm hoà vốn

PMI cải thiện nhẹ, nhưng chưa vượt vùng co hẹp

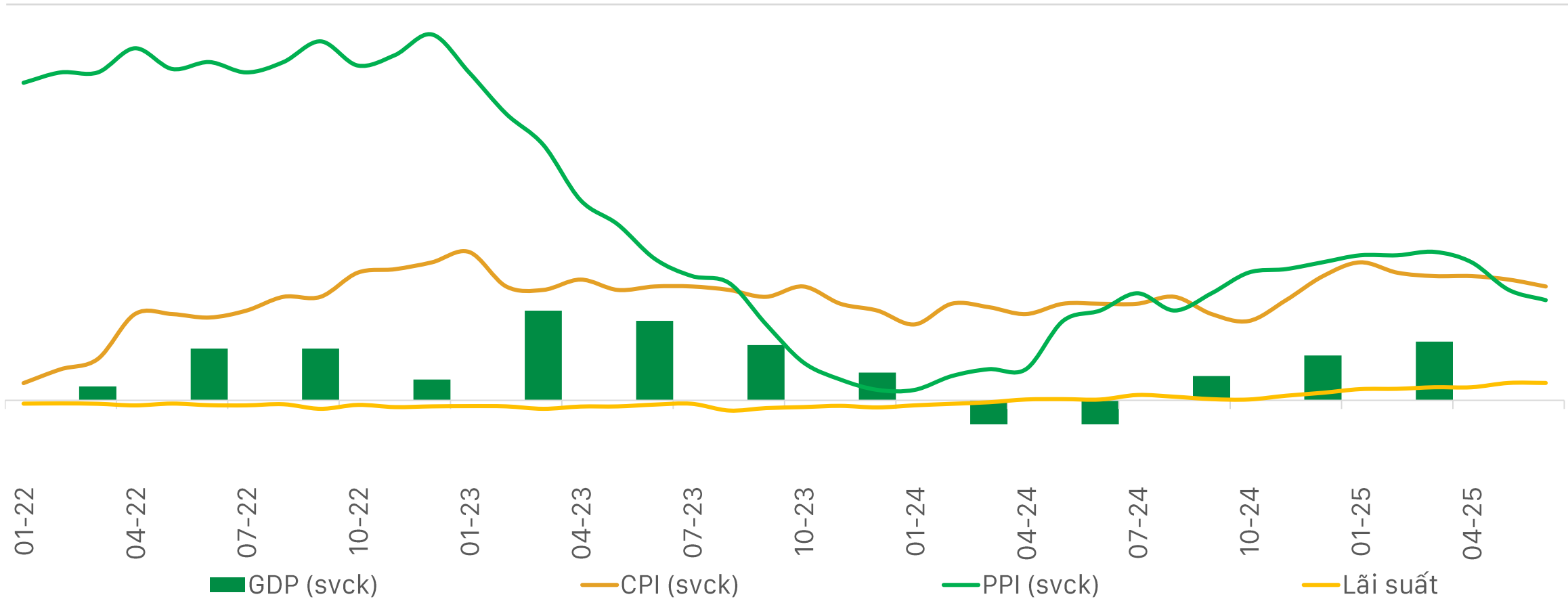


NHẬT BẢN: PHỤC HỒI CÒN MONG MANH, LẠM PHÁT CHƯA BUÔNG



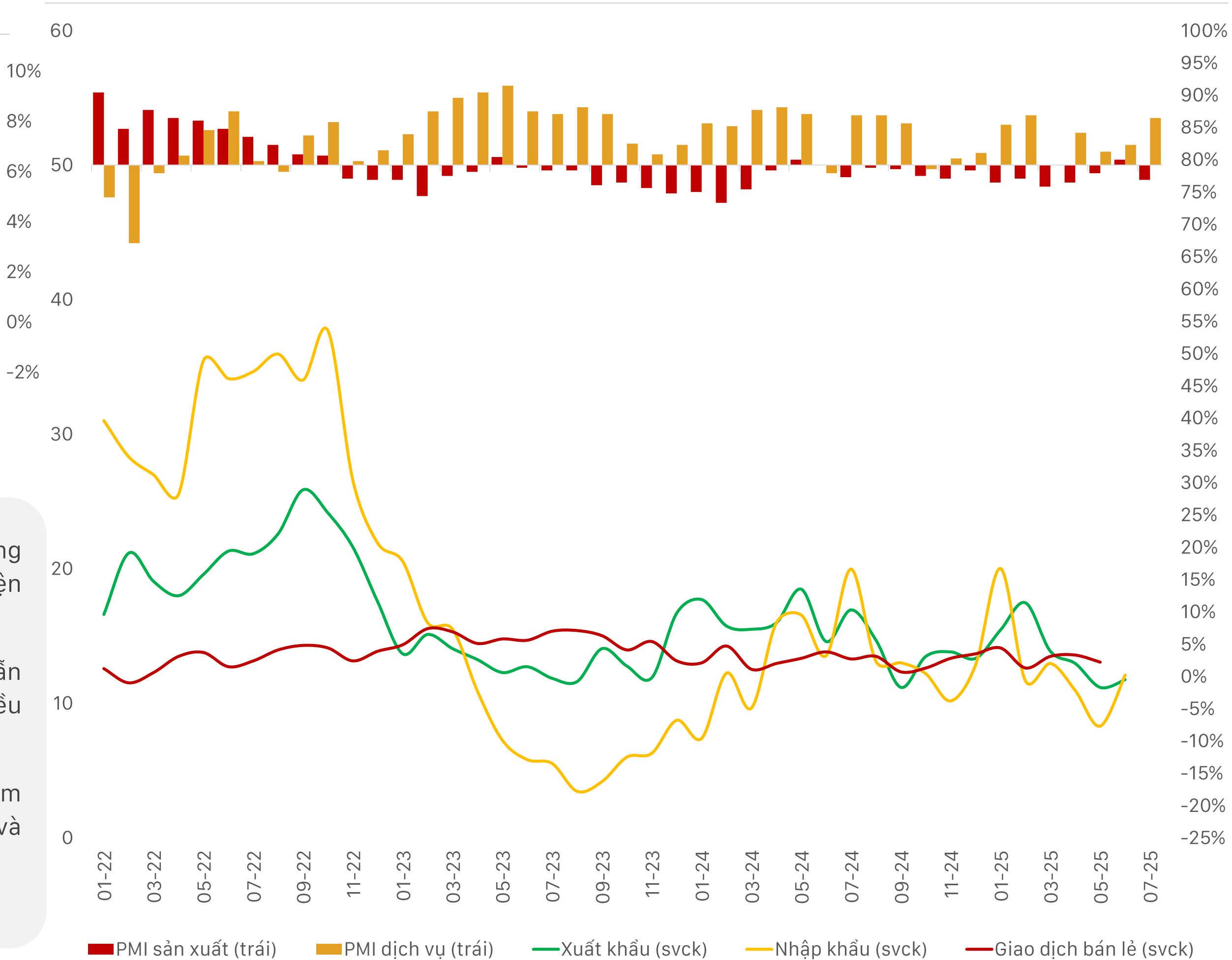
Nhật Bản đang ở giai đoạn chuyển kiểm của chu kỳ kinh tế: tăng trưởng trì trệ trong khi lạm phát vẫn duy trì quanh mục tiêu, buộc Ngân hàng Trung ương duy trì lập trường cực kỳ thận trọng. Chính sách có thể được thắt chặt nhẹ trong nửa cuối năm nếu lạm phát tiếp tục dai dẳng nhưng chỉ sau khi có bằng chứng rõ ràng về ổn định tăng trưởng và cải thiện từ cầu nội địa. Sự kết hợp giữa áp lực thuế quan toàn cầu, dân số già và nội lực yếu khiến triển vọng phục hồi rõ rệt vẫn xa vời.

Tăng trưởng bất định, phục hồi nội địa còn yếu- Lạm phát cơ bản duy trì trên mục tiêu dù có xu hướng hạ nhiệt



- Tăng trưởng bất định, phục hồi nội địa còn yếu:** GDP Nhật Bản trong quý II/2025 gần như đứng yên (giảm nhẹ ~0,2%), với động lực tăng trưởng chủ yếu từ đầu tư tư nhân và tiêu dùng cải thiện không đáng kể
- Lạm phát cơ bản duy trì trên mục tiêu dù có xu hướng hạ nhiệt:** Lạm phát cơ bản (core CPI) vẫn cao hơn 2%, khoảng 2,7% trong dự báo tài khóa năm nay. Xin lưu ý rằng áp lực giá xuất phát nhiều từ giá lương thực và chi phí bên ngoài hơn là cầu nội địa bền vững
- Hoạt động sản xuất suy yếu, dịch vụ giữ vai trò cứu cánh:** Chỉ số PMI sản xuất tháng 7 suy giảm về 48,9, cho thấy ngành sản xuất đang trong vùng co hẹp. Trong khi đó, PMI dịch vụ đạt 53,5 và PMI tổng hợp ổn định ở 51,5, cho thấy dịch vụ vẫn tiếp tục mở rộng bất chấp sản xuất yếu

Hoạt động sản xuất suy yếu, dịch vụ giữ vai trò cứu cánh



Chỉ số	Đóng cửa	1 Tuần	1 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm
Gold	3,362.51	0.8%	0.2%	28.1%	37.7%
WTI/USD	67.26	3.2%	-0.3%	-6.2%	-8.5%
Bitcoin	113,602	-3.7%	3.6%	21.8%	87.0%
Dow Jones	43,589	-2.9%	-2.0%	2.5%	9.7%
S&P 500	6,238	-2.4%	0.2%	6.1%	16.7%
Nasdaq	22,763	-2.2%	0.5%	8.3%	23.4%
GP100	9,069	-0.6%	3.4%	11.0%	10.9%
DAX	23,426	-3.3%	-1.5%	17.7%	32.6%
CAC 40	7,546	-3.7%	-2.5%	2.2%	4.1%
Euro Stoxx 50	5,166	-3.5%	-2.9%	5.5%	11.4%
Nikkei 225	40,800	-1.6%	2.6%	2.3%	13.6%
Shanghai	3,560	-0.9%	3.0%	6.2%	22.5%
Hang Seng	24,508	-3.5%	1.2%	22.2%	44.6%
Vnindex	1,495	-2.2%	8.1%	18.2%	21.1%
Set 50	796	-0.2%	9.6%	-12.1%	-3.8%
VND/USD	26,220	0.3%	0.2%	2.9%	4.0%
DXY	99.14	1.5%	2.4%	-8.6%	-4.0%

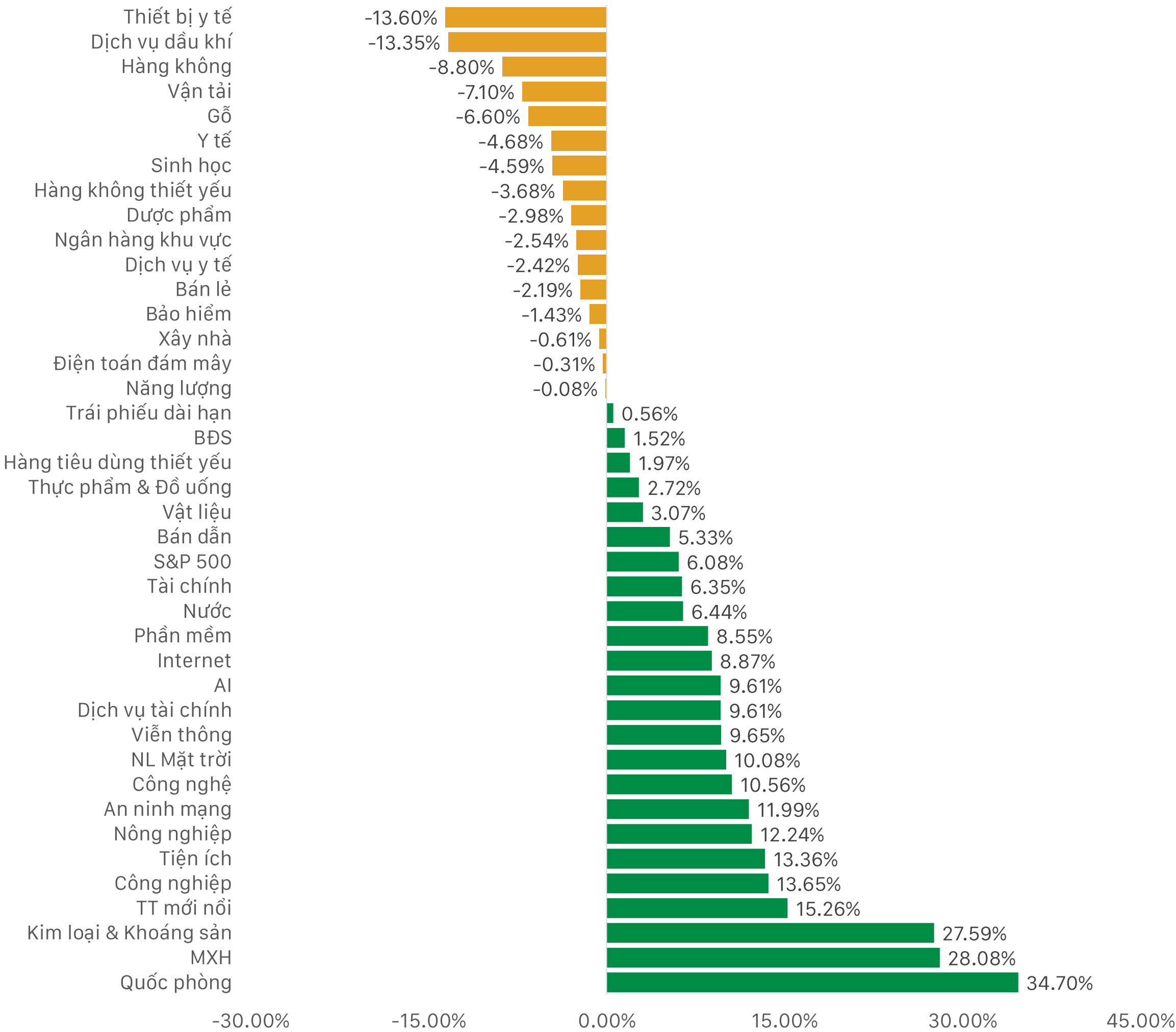
- Chứng khoán Mỹ trong tuần qua giảm gần -3%, đánh dấu tuần giảm mạnh nhất kể từ đầu tháng 4/2025. Sự sụt giảm này phản ánh tâm lý lo ngại của nhà đầu tư trước các rủi ro địa chính trị (thuế quan), dữ liệu kinh tế yếu (thị trường lao động), và kỳ vọng lãi suất không thuận lợi. Các cổ phiếu công nghệ và ngân hàng chịu áp lực lớn, trong khi dòng tiền chảy vào các tài sản an toàn như vàng và trái phiếu kho bạc. Tình hình này cho thấy thị trường đang nhạy cảm với các yếu tố kinh tế vĩ mô và chính sách, đòi hỏi nhà đầu tư cần thận trọng theo dõi các dữ liệu kinh tế và quyết định của Fed trong thời gian tới.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam sau khi vượt đỉnh cao nhất đã có vài phiên rung lắc mạnh và suy yếu về dưới mốc 1500. Sự hưng phấn của thị trường có phần hạ nhiệt trong khi những lo ngại về thuế quan gây ảnh hưởng tâm lý nhà đầu tư. Giá vàng trong tuần tăng gần 1% lên 3362 trong khi Bicoín giảm mạnh - 3.7% về 113 là kết quả của sự kết hợp giữa áp lực chốt lời, tâm lý thận trọng trước các yếu tố kinh tế vĩ mô, hoạt động bán tháo từ cá voi và thợ đào, cùng các tín hiệu kỹ thuật giảm giá.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN MỸ

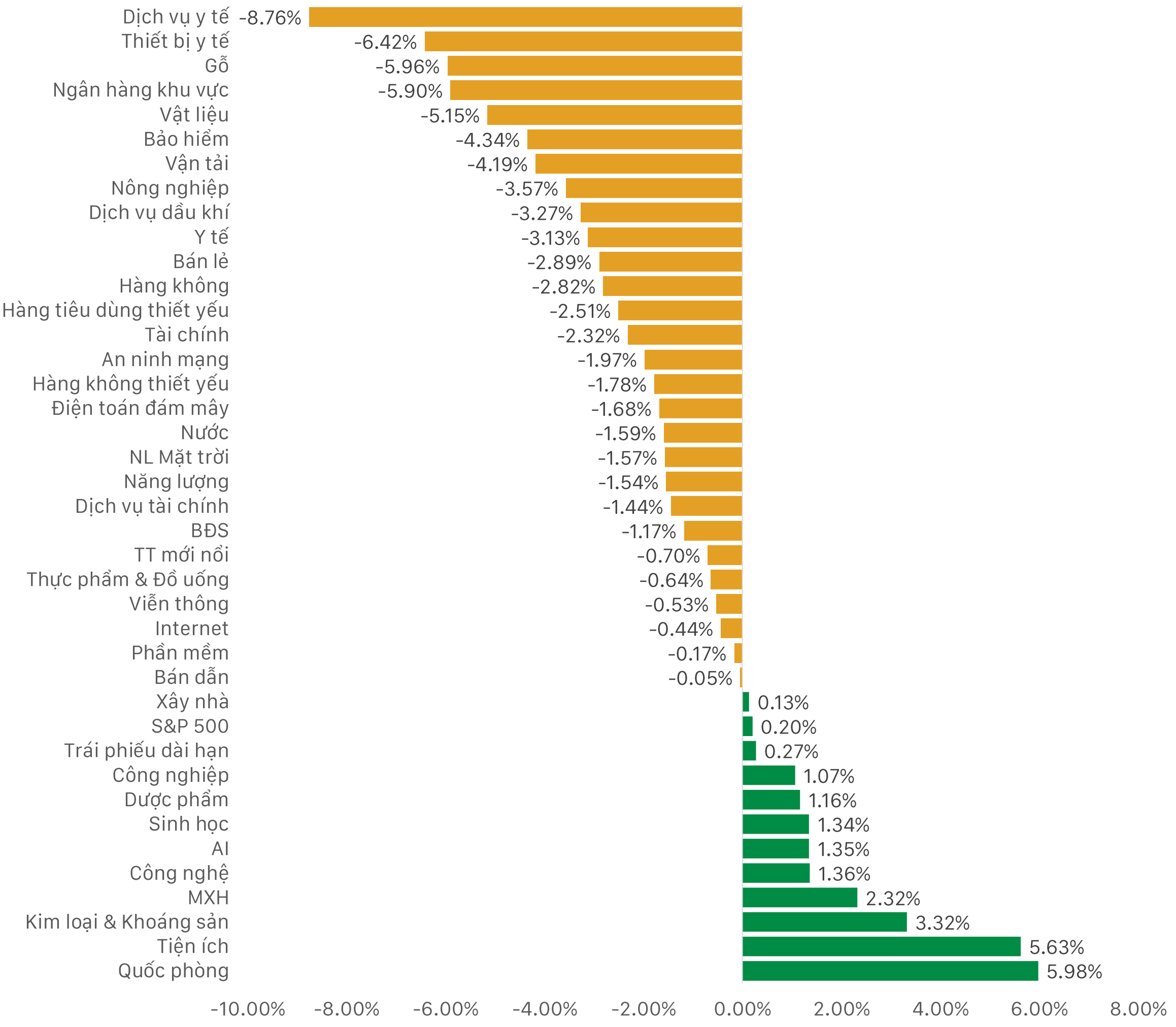


- Do ảnh hưởng từ việc đánh thuế từ TT Trump đối với các nước. Lợi suất sinh lợi tháng trước của các ngành ở mỹ đã có sự sụt giảm rõ rệt.
- Ở cấp độ ngành, Chúng tôi giữ quan điểm tiêu cực với Hàng xa xỉ, Ô tô, Bán dẫn và thận trọng với Năng lượng do ảnh hưởng từ bất ổn thuế quan, vĩ mô và tỷ giá. Ngược lại, các ngành Hàng không & Quốc phòng, Bảo hiểm và Phần mềm được đánh giá tích cực trong mùa báo cáo sắp tới.

Hiệu suất các Ngành TTCK Mỹ (YTD)



Hiệu suất các Ngành TTCK Mỹ (MTD)



ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



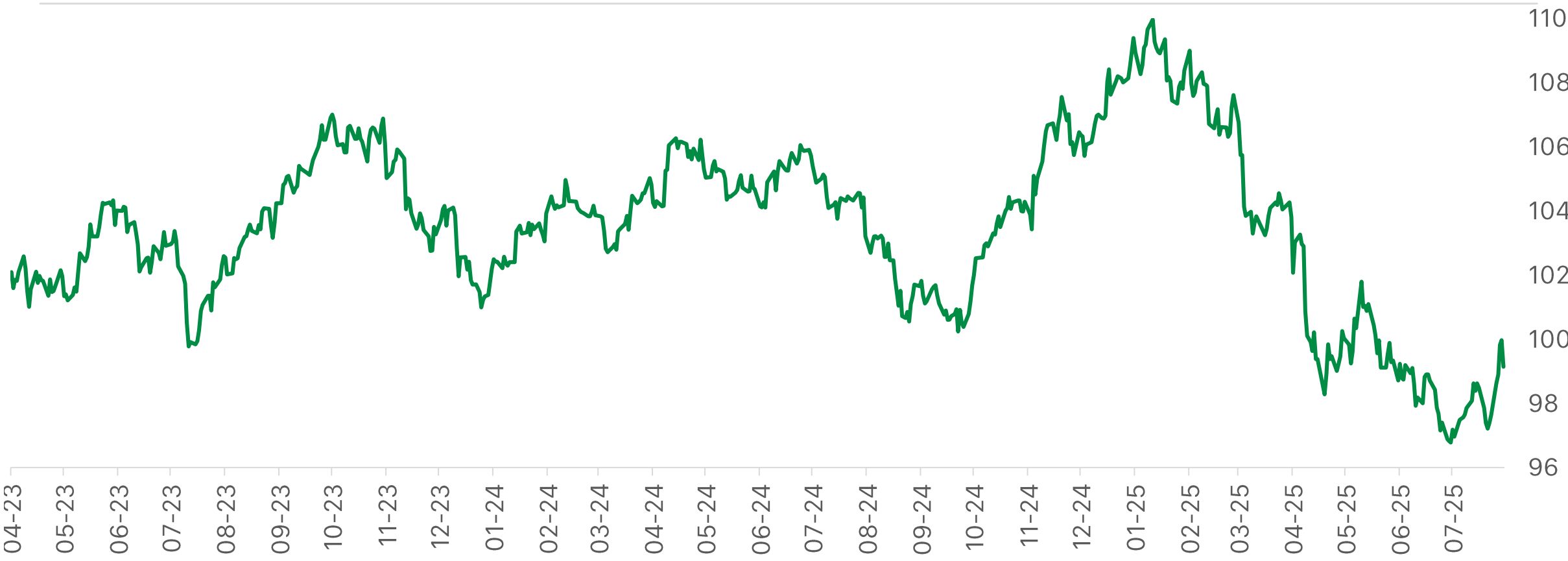
THANH KHOẢN TIẾP TỤC MỞ RỘNG – TỶ GIÁ TIẾP TỤC NEO GIỮ Ở MỨC CAO



DXY đang tăng lại vùng cao phản ánh sức mạnh USD giữa thời điểm Fed chưa cắt lãi suất dù tăng trưởng chậm. Tỷ giá nội địa dù đi ngang nhưng vẫn giữ ở vùng cao cho thấy VND chịu áp lực từ dòng vốn ngoại tệ và lãi suất toàn cầu. Trong khi đó, thanh khoản thị trường vẫn được duy trì qua các điều tiết từ ngân hàng trung ương nhằm hỗ trợ ổn định mặt bằng lãi suất. Thị trường lao động của Mỹ vừa phát tín hiệu suy yếu tuy nhiên lạm phát lại đối mặt rủi ro tăng trở lại do chiến tranh thương mại dẫn đến việc Fed có hạ lãi suất hay không vẫn còn nhiều ẩn số nhưng vẫn được kỳ vọng vào cuối quý 3 năm nay. Do vậy, DXy có thể vẫn sẽ tiếp tục dao động chưa rõ ràng và tỷ giá VND/USD vẫn kỳ vọng tiếp tục neo cao.

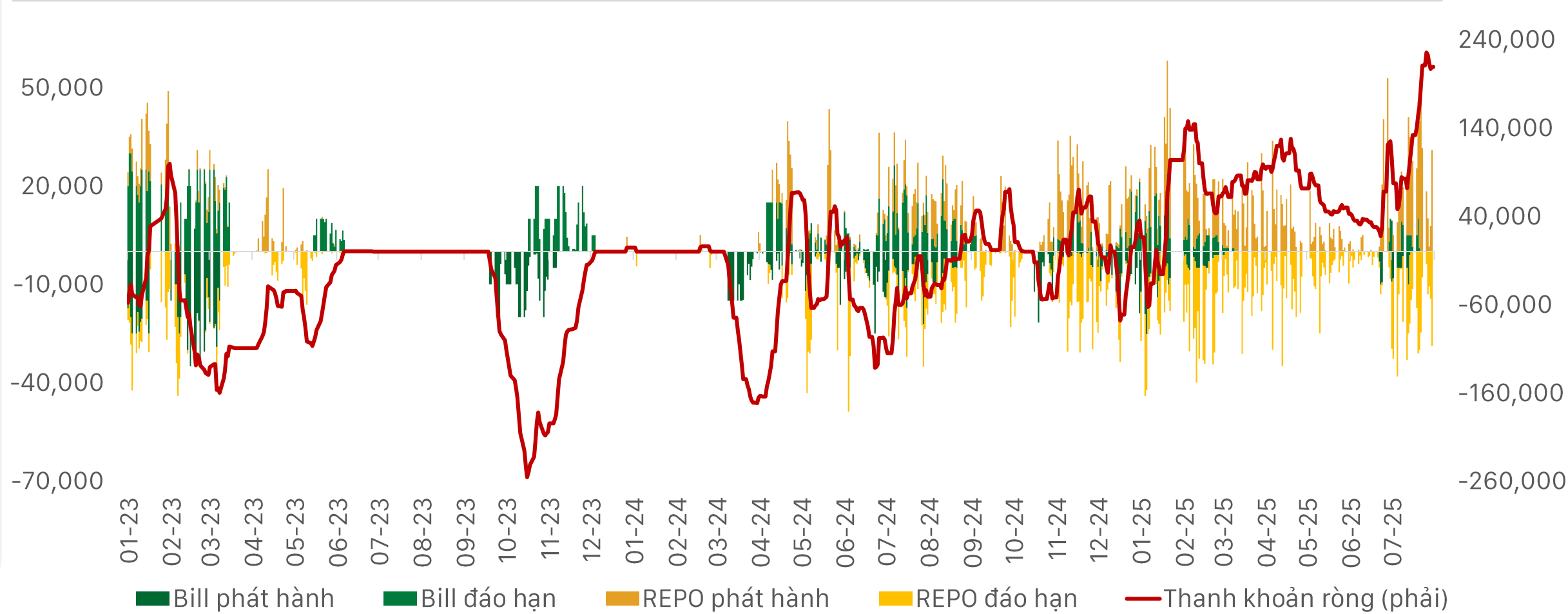
- DXY đang tăng trở lại, Fed kiên trì:** Chỉ số DXy phục hồi mạnh trong tuần cuối tháng 7/2025, tăng khoảng +2,7%, đạt vùng 98-99 sau khi Chủ tịch Fed Powell giữ quan điểm chưa vội cắt lãi suất. Thị trường hiện định giá xác suất cắt lãi suất vào tháng 9 giảm xuống dưới 50% do lo ngại lạm phát vẫn dai dẳng dù tăng trưởng chậm lại.
- Thanh khoản ổn định, VND/USD tăng nhẹ:** Thanh khoản trên hệ thống ngân hàng Việt Nam đang được duy trì ở mức cao khi SBV liên tục bơm ròng Repo qua kênh thị trường mở nhằm kiểm soát mặt bằng lãi suất trong nước. Tỷ giá VND/USD dao động trong vùng cao phản ánh nhu cầu USD mạnh và sự yếu đi của VND trong bối cảnh lãi suất Mỹ vẫn đang cao.
- Chính sách thị trường vẫn linh hoạt nhưng thận trọng:** Fed vẫn duy trì lãi suất 4.25–4.50%, chưa có tín hiệu cắt giảm sớm; điều này củng cố sức mạnh của USD trong ngắn hạn. Nhiều ngân hàng trung ương vẫn theo dõi sát diễn biến thương mại toàn cầu và sử dụng cơ chế điều tiết thanh khoản để kiểm soát tỷ giá và ổn định thị trường trong bối cảnh bất động và biến động do thuế quan.

DXY đang tăng trở lại - Fed kiên trì giữ lãi suất

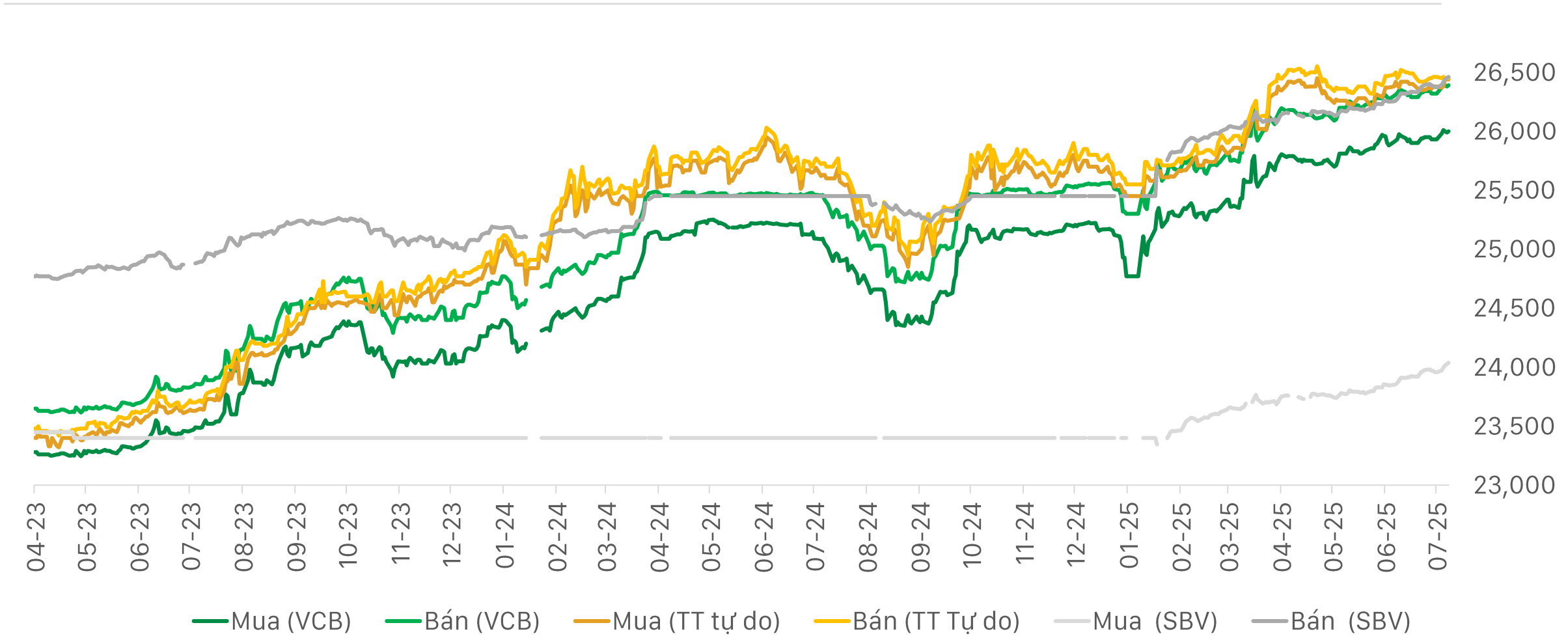


Thanh khoản hệ thống liên tục được bơm ròng

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND



Tỷ giá đang dao động ngang nhưng vẫn neo ở mức cao Đơn vị: VND/USD

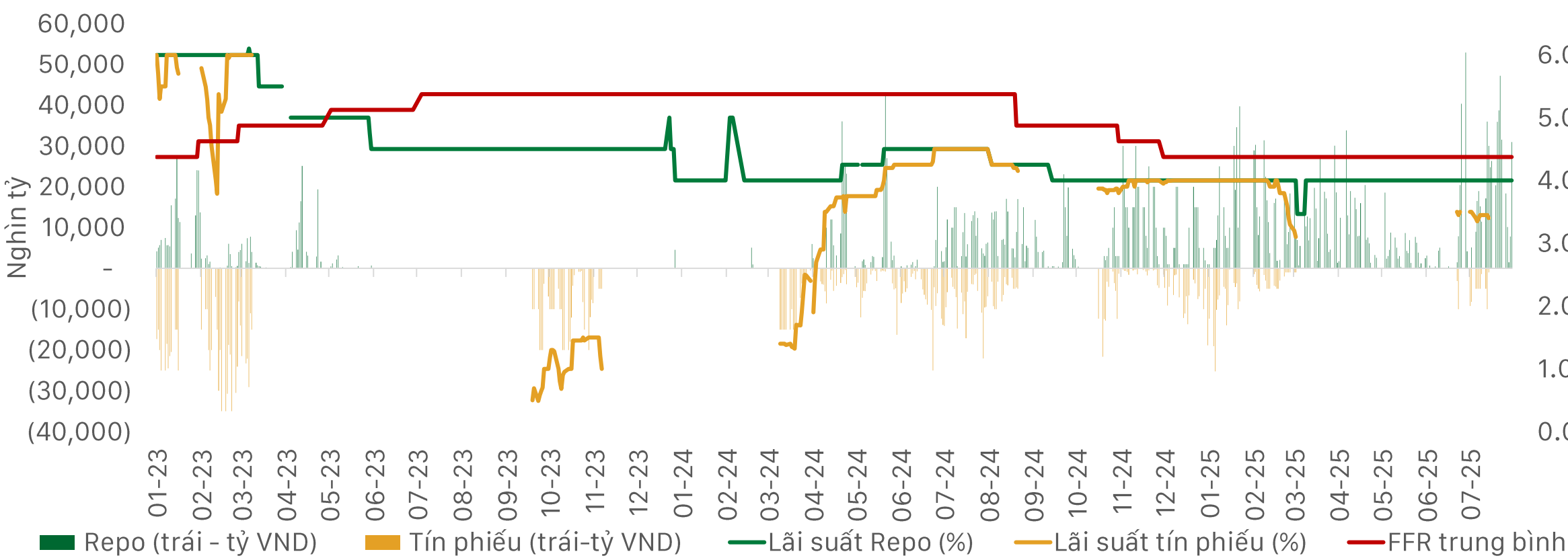


LÃI SUẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT – THANH KHOẢN TIẾP TỤC ĐƯỢC BƠM RÒNG

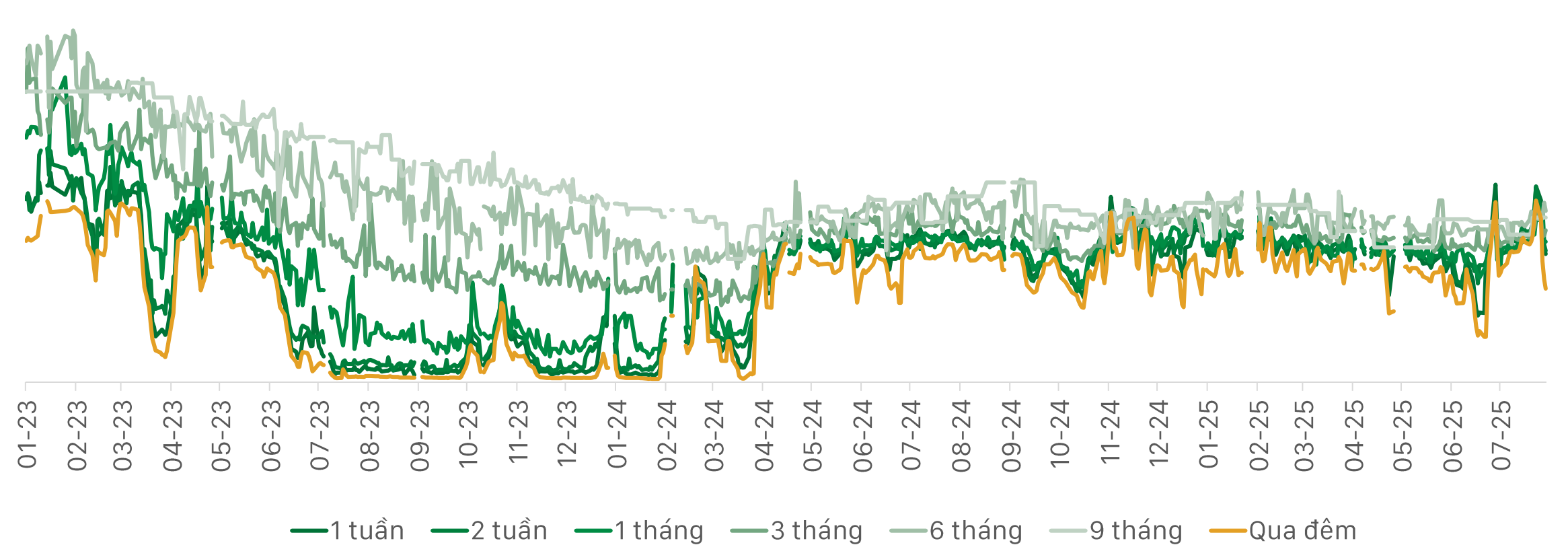


- Trong tháng 7, SBV đã liên tục bơm thanh khoản bằng công cụ repo với tổng giá trị hơn 426 nghìn tỷ đồng với mức lãi suất 4%, trong khi đó chỉ hút qua công cụ tín phiếu chỉ hơn 54 nghìn tỷ đồng.
- Lãi suất qua đêm tại thị trường liên ngân dao động tăng mạnh, đỉnh điểm đạt tới 6,5% nhưng sau đó giảm về đạt mức 3,35% vào cuối tháng 7. Mặt bằng lãi suất lãi suất vẫn tiếp tục được neo giữ thấp và đi ngang trong suốt 7 tháng đầu năm.
- SBV vẫn đang tích cực kiểm soát mặt bằng lãi suất bằng cách điều tiết thanh khoản trong ngắn hạn nhằm duy trì mặt bằng lãi suất thấp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng hỗ trợ nền kinh tế.

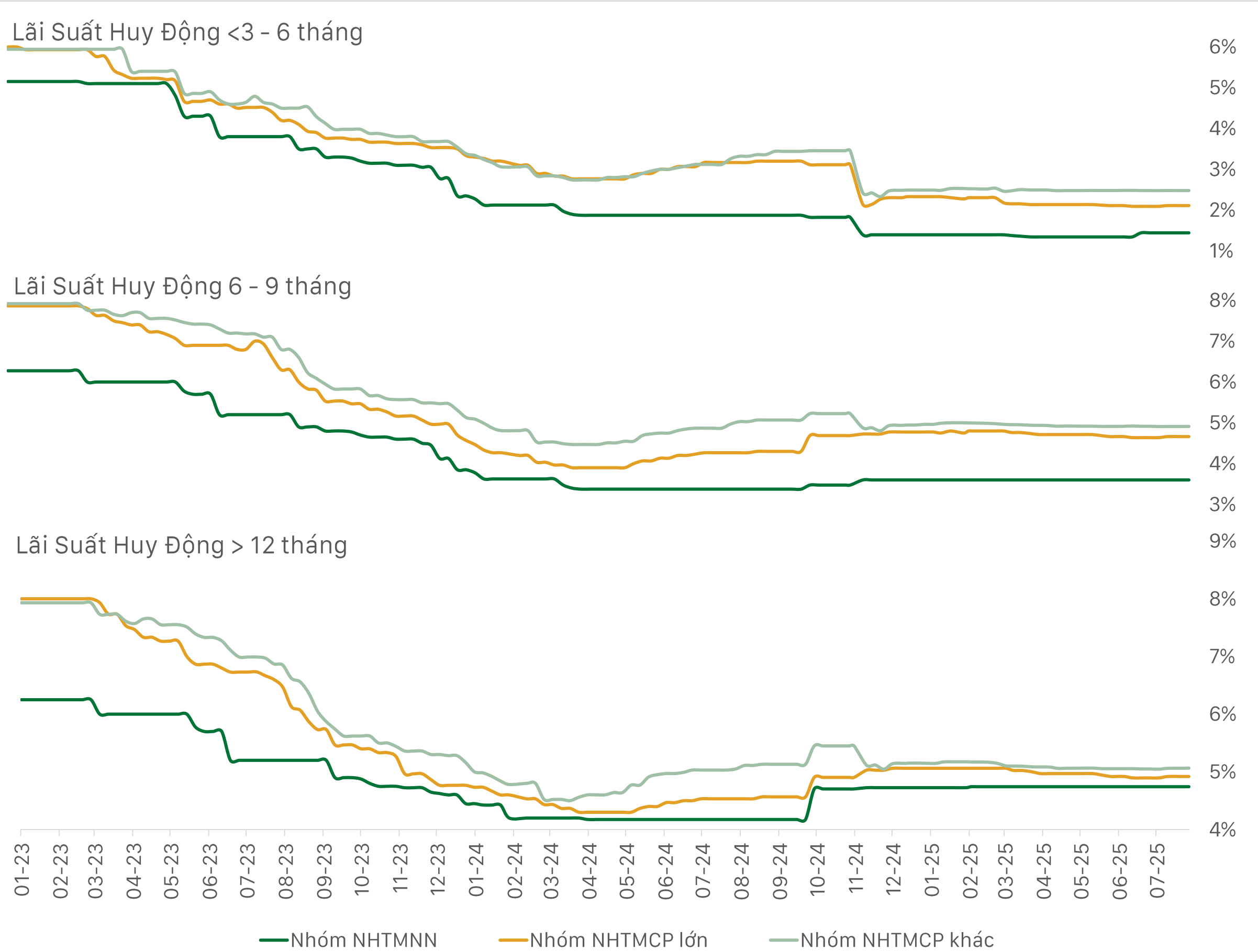
Ngân hàng nhà nước liên tục bơm ròng thanh khoản ngắn hạn vào hệ thống với mức lãi suất 4%.



Lãi suất liên ngân hàng có biến động gia tăng nhưng được điều hành và kiểm soát về mức thấp.



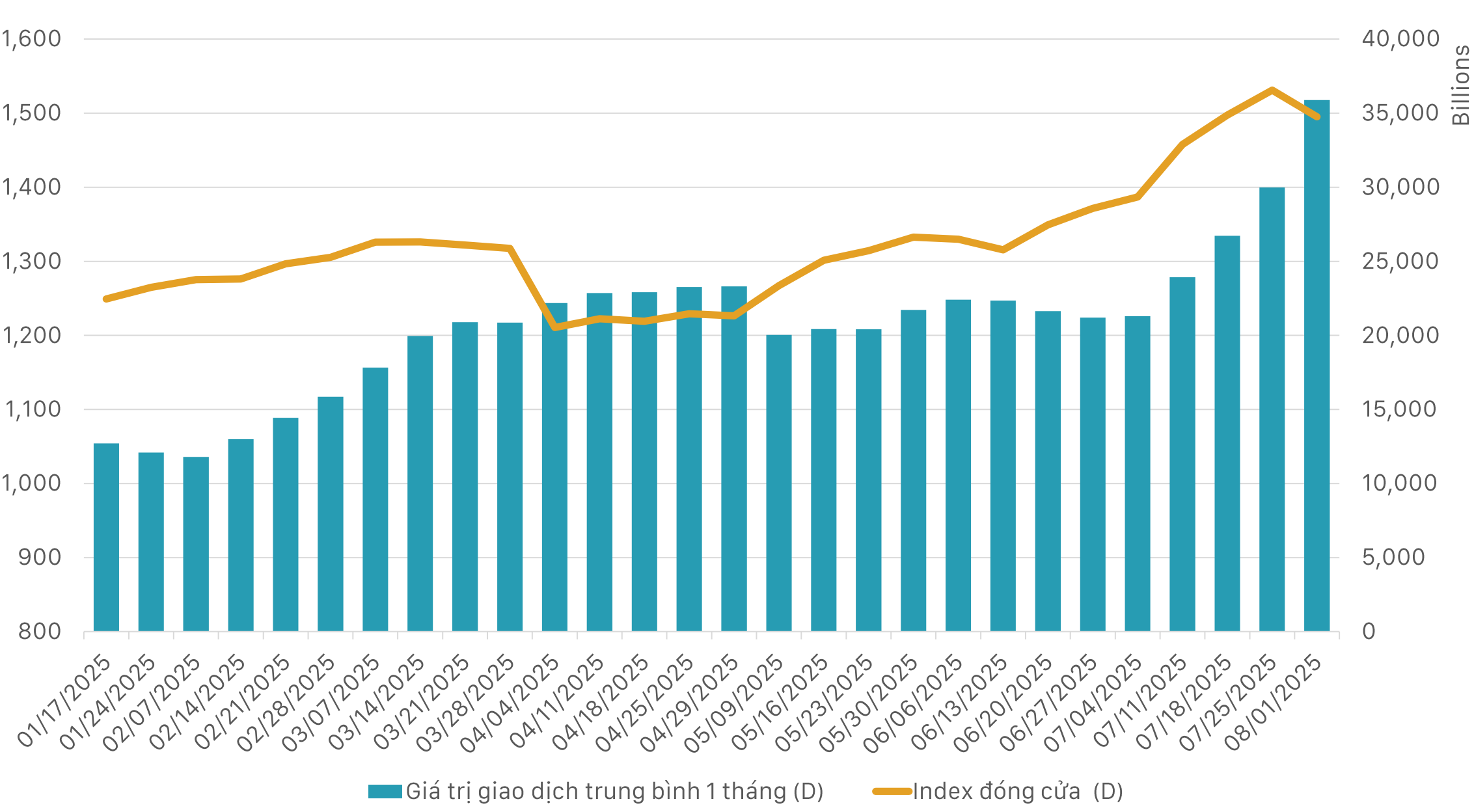
Lãi suất huy động đi ngang từ đầu năm đến nay ở mặt bằng thấp



Đồ thị ngày VN-Index



Thanh khoản đạt đỉnh cao nhất

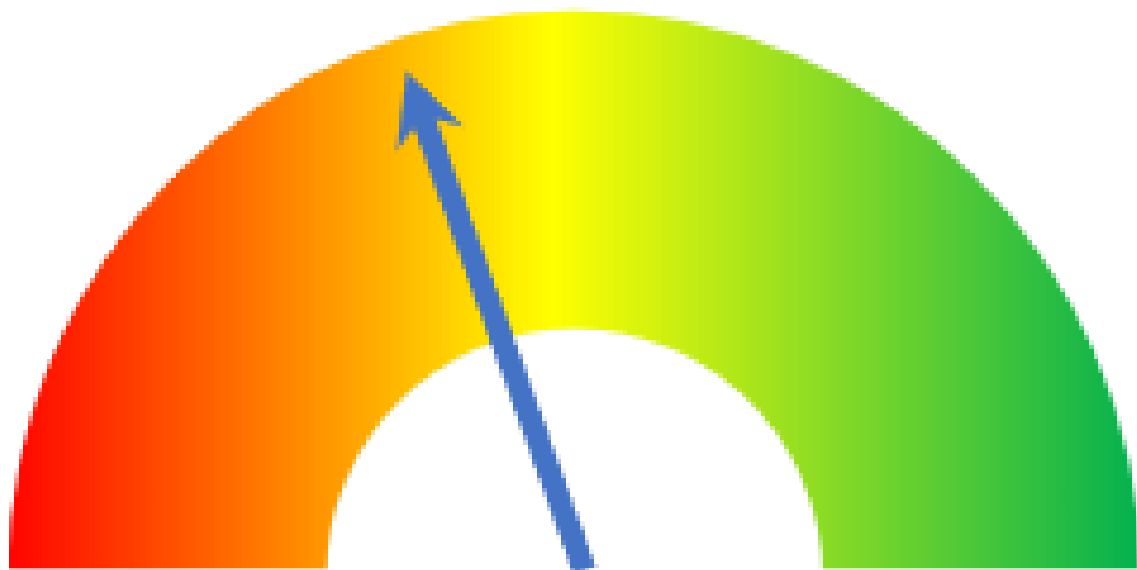


- Trong tuần qua thị trường chứng khoán Việt Nam đã lập 2 kỷ lục mới là chỉ số Vnindex lần đầu đạt điểm cao nhất 1557 phiên đóng cửa và thanh khoản theo tuần vượt 35 ngàn tỷ. Cá biệt có phiên đã vượt 60 ngàn tỷ đồng. Việc chỉ số Vnindex bất ngờ rơi mạnh hơn 60 điểm và sau đó dao động dưới mốc 1500 gây nhiều tiếc nuối nhưng thật sự không quá bất ngờ. Giao dịch chung của thị trường vẫn ở mức rất cao, biến động liên tục và đầy thách thức, với sự giằng co giữa lực mua của khối nội và bán ròng từ khối ngoại.
- VN-Index duy trì quanh mốc 1500 điểm, phản ánh nỗ lực tìm điểm cân bằng sau giai đoạn tăng nóng. Dù triển vọng dài hạn tích cực nhờ nâng hạng thị trường và kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm khả quan, nhà đầu tư vẫn cần theo dõi sát các yếu tố vĩ mô quốc tế và diễn biến dòng tiền để có chiến lược đầu tư hiệu quả.

- Đường chỉ số Vnindex theo tuần đã xuất hiện ngọn nến điều chỉnh dài chỉ báo thị trường đang ở trạng thái suy giảm sau giai đoạn tăng nóng. Theo quán tính khi đường chỉ số càng tăng dốc thì khi suy giảm thị trường sẽ rơi tương ứng hoặc thậm chí nhanh hơn. Năm nay một số yếu tố vĩ mô và thị trường hỗ trợ có thể giúp thị trường rơi vào chu kỳ điều chỉnh ngắn hơn và có thể sớm quay lại xu hướng tăng nếu có tin tức hỗ trợ mạnh như nâng hạng.
- Tuần sau là bắt đầu chu kỳ tháng 8, giao dịch chung thường sẽ chững lại sau mùa báo cáo bán niên vì vậy động lực chung của các cổ phiếu sẽ có sự phân hóa mạnh. Vùng hỗ trợ của Vnindex hiện quanh 1480 nhưng nếu xấu hơn thị trường có thể lùi sâu hơn một chút gần 1460 sau đó sẽ hồi phục trở lại.



Mức độ hưng phấn thị trường

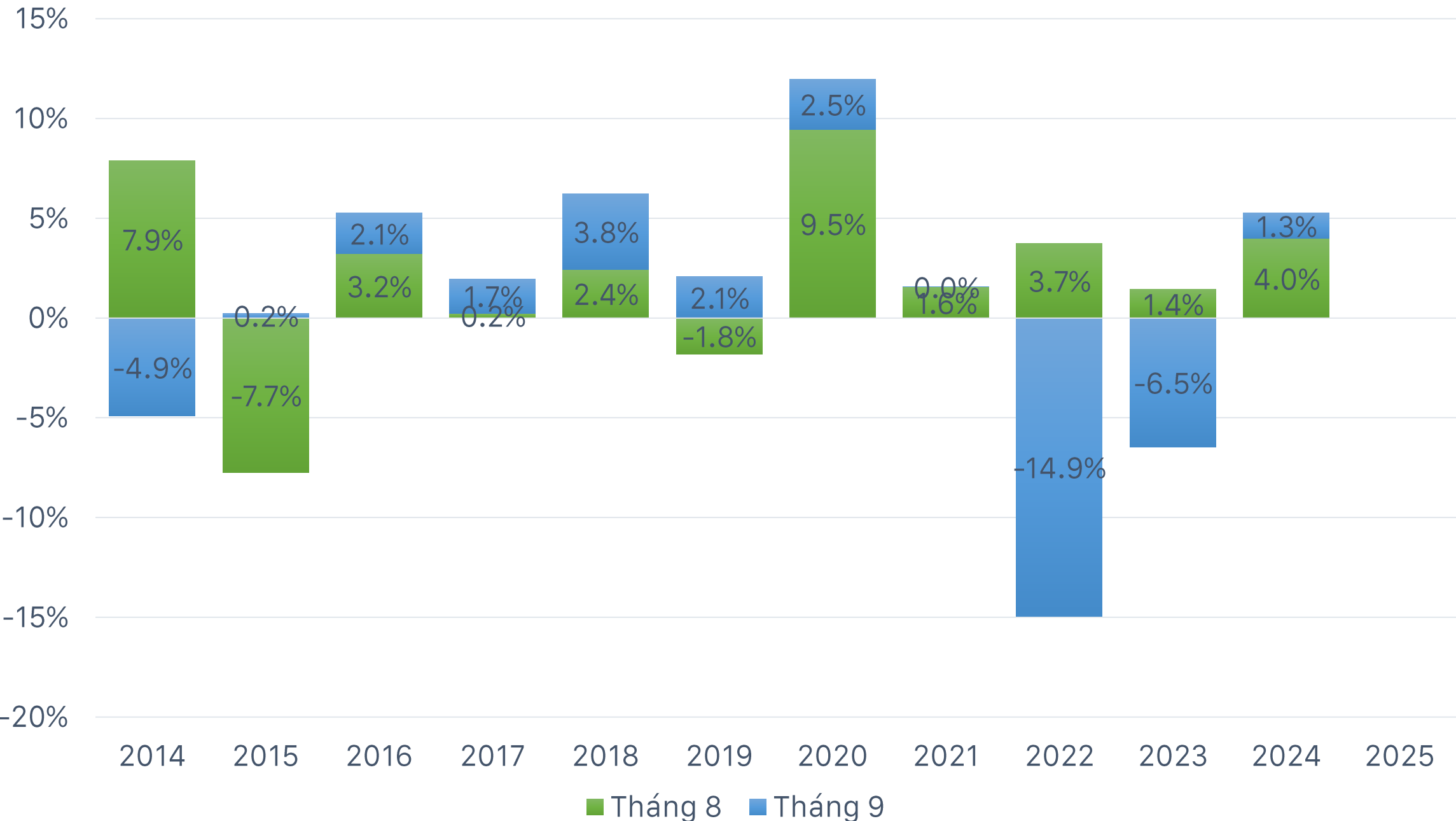


RSI	59.26
MACD	34.16
MFI	67.09
MA20	1483
MA50	1402
MA200	1300

PE thị trường hiện quanh 14.8 thấp hơn giai đoạn đầu 2024



Chu kỳ tháng 8,9 năm nay duy trì đà tăng trưởng các năm 2014 - 2021

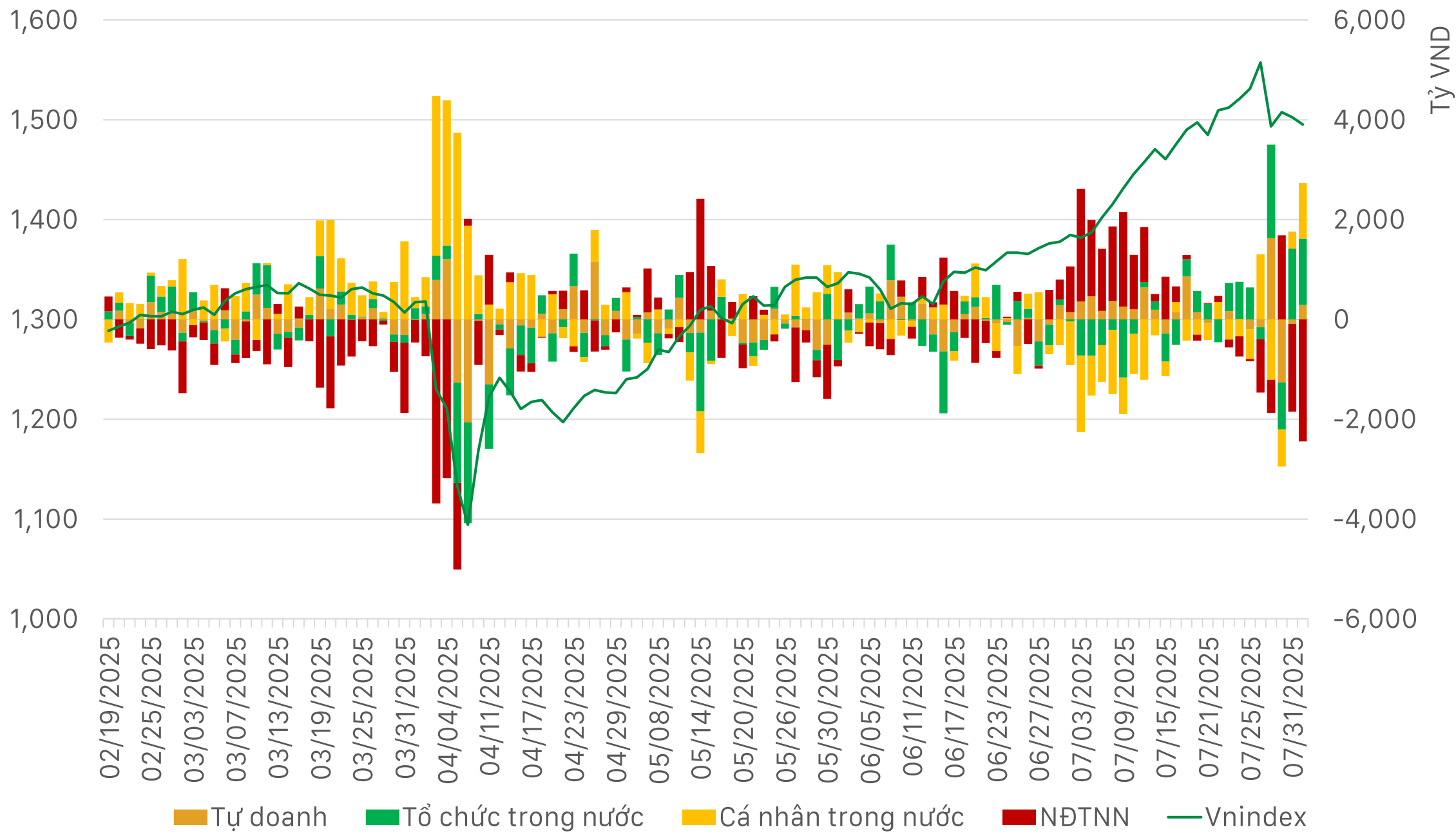


- Định giá PE thị trường hiện quanh mốc 15 vượt mức trung bình 10 năm. Chỉ số PE thời điểm Vnindex đạt 1500 năm 2022 khoảng 17.5. Như vậy định giá thị trường hiện tại có mức rẻ hơn một phần nhờ một số cổ phiếu blue chip lớn như ngân hàng vẫn đang ở vùng giá hấp dẫn.
- Thị trường kỳ vọng đặc biệt vào khả năng nâng hạng vào cuối năm và kinh tế tăng trưởng như kế hoạch. Các ngành kinh tế hồi phục và đạt lợi nhuận cao là yếu tố quan trọng thúc đẩy thị trường duy trì tăng trưởng.
- Trong vài năm gần đây chu kỳ thị trường các tháng 8,9 thường không mấy tích cực ngoại trừ năm 2024 thị trường tháng 8 tăng trưởng rất ấn tượng do trước đó đã suy giảm mạnh vào tháng 7. Khả năng thị trường tháng 8 vẫn sớm hồi phục và tăng trưởng tiếp nhờ kỳ vọng cao khả năng nâng hạng cuối năm nay.

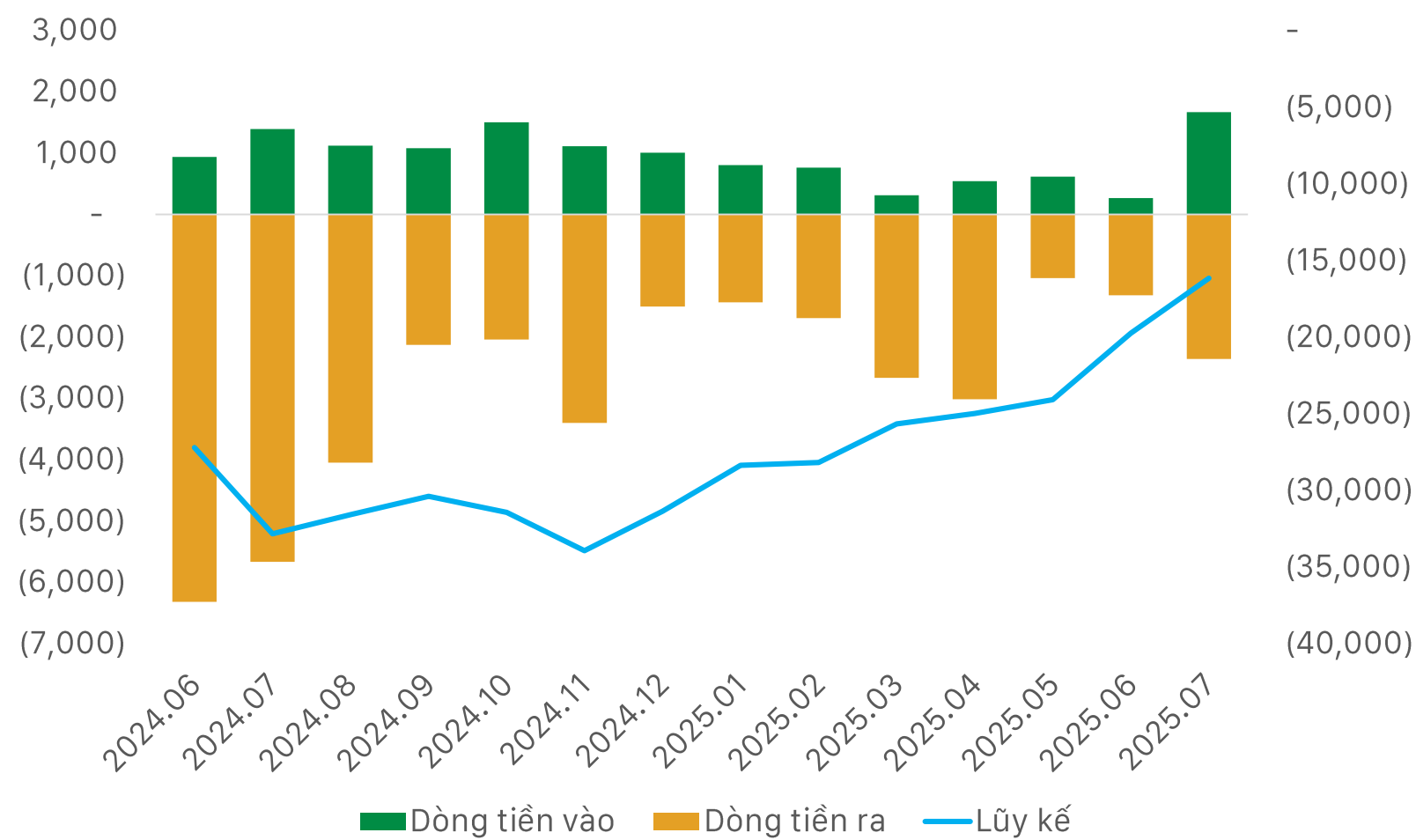
Chỉ số / Ngành	Index	P/E	% 1 tuần	% 1 tháng
VNINDEX	1,495.21	13.55	-2.4%	8.5%
Ngân hàng	680.40	9.79	-1.2%	9.7%
Dịch vụ tài chính	946.99	22.81	2.4%	31.8%
Bất động sản	648.72	17.70	-3.5%	13.4%
Hóa chất	280.36	17.09	-2.6%	0.5%
Tài nguyên Cơ bản	440.21	19.23	-2.6%	10.4%
Ô tô và phụ tùng	606.32	8.37	12.4%	28.0%
Bán lẻ	1,335.94	21.34	-4.6%	4.3%
Hàng cá nhân & Gia dụng	152.09	11.00	1.2%	4.9%
Viễn thông	954.83	30.62	-4.1%	1.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5,958.58	14.25	-0.6%	4.5%
Dầu khí	82.53	31.39	0.6%	7.8%
Thực phẩm và đồ uống	852.84	17.38	-3.6%	-0.8%
Xây dựng và Vật liệu	389.84	11.33	-0.7%	1.9%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	482.74	17.16	-0.3%	1.2%
Y tế	984.04	16.09	-0.7%	1.9%
Công nghệ Thông tin	870.98	20.46	-2.9%	3.7%
Truyền thông	704.12		2.5%	18.8%
Bảo hiểm	316.98	13.52	-2.1%	-1.2%
Du lịch và Giải trí	40.27	19.38	-4.4%	0.7%

- Trong tuần qua chỉ số Vnindex suy giảm trở lại -2.4%. Đây là mức rơi khá cao do Vnindex đã có chuỗi tăng giá 6 tuần liên tiếp. Các nhóm ngành suy giảm mạnh nhất là Bất động sản, Bán lẻ, Du lịch giải trí.
- Nhóm ngành ngân hàng không giảm nhiều nhờ một số cổ phiếu ngân hàng đi ngược thị trường. Điều này góp phần không nhỏ giữ chỉ số Index không giảm sâu. Ngoài ra nhóm chứng khoán vẫn duy trì tăng điểm cũng nhờ một số cổ phiếu nổi bật như SHS, VIX,

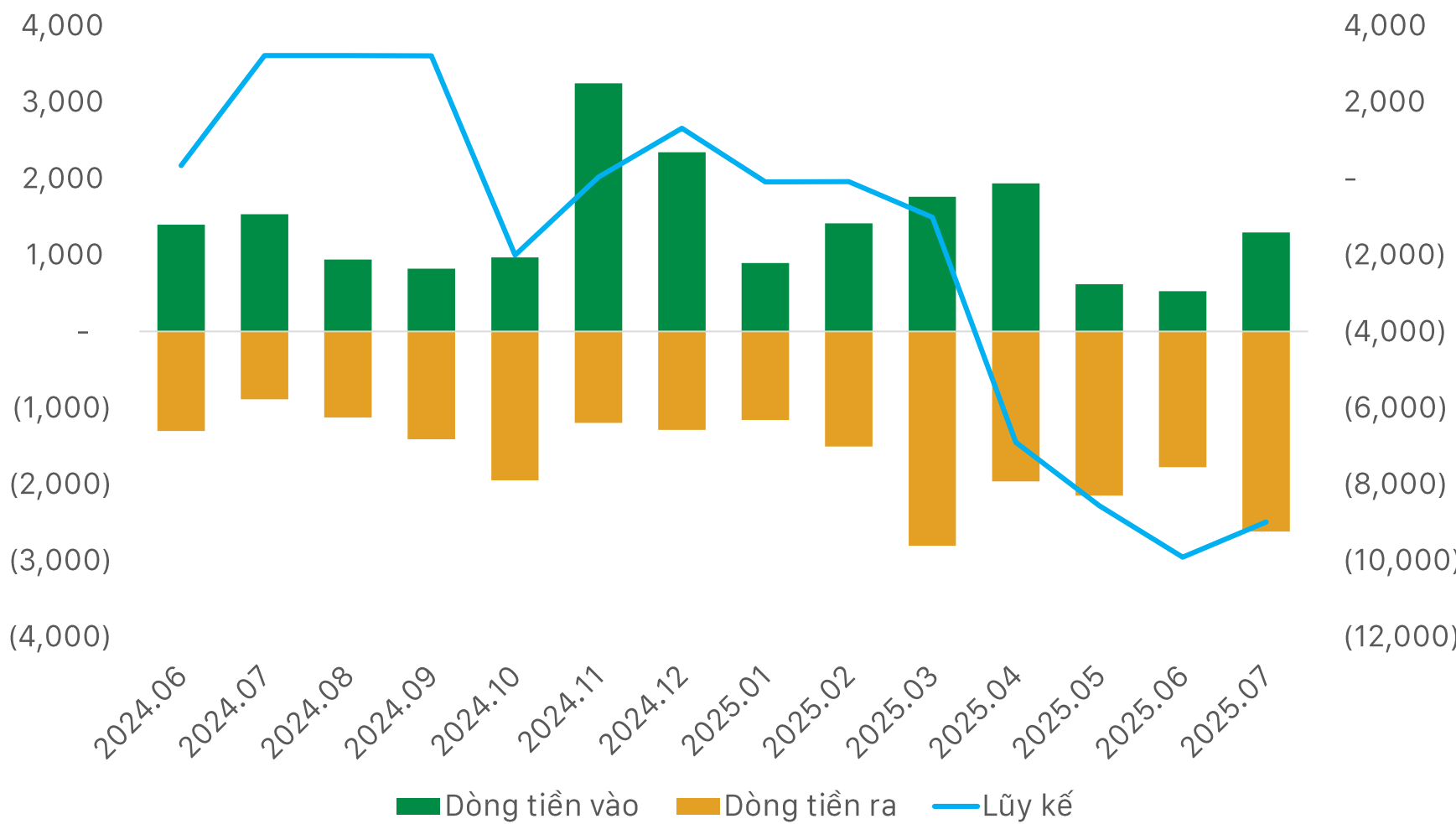
Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư



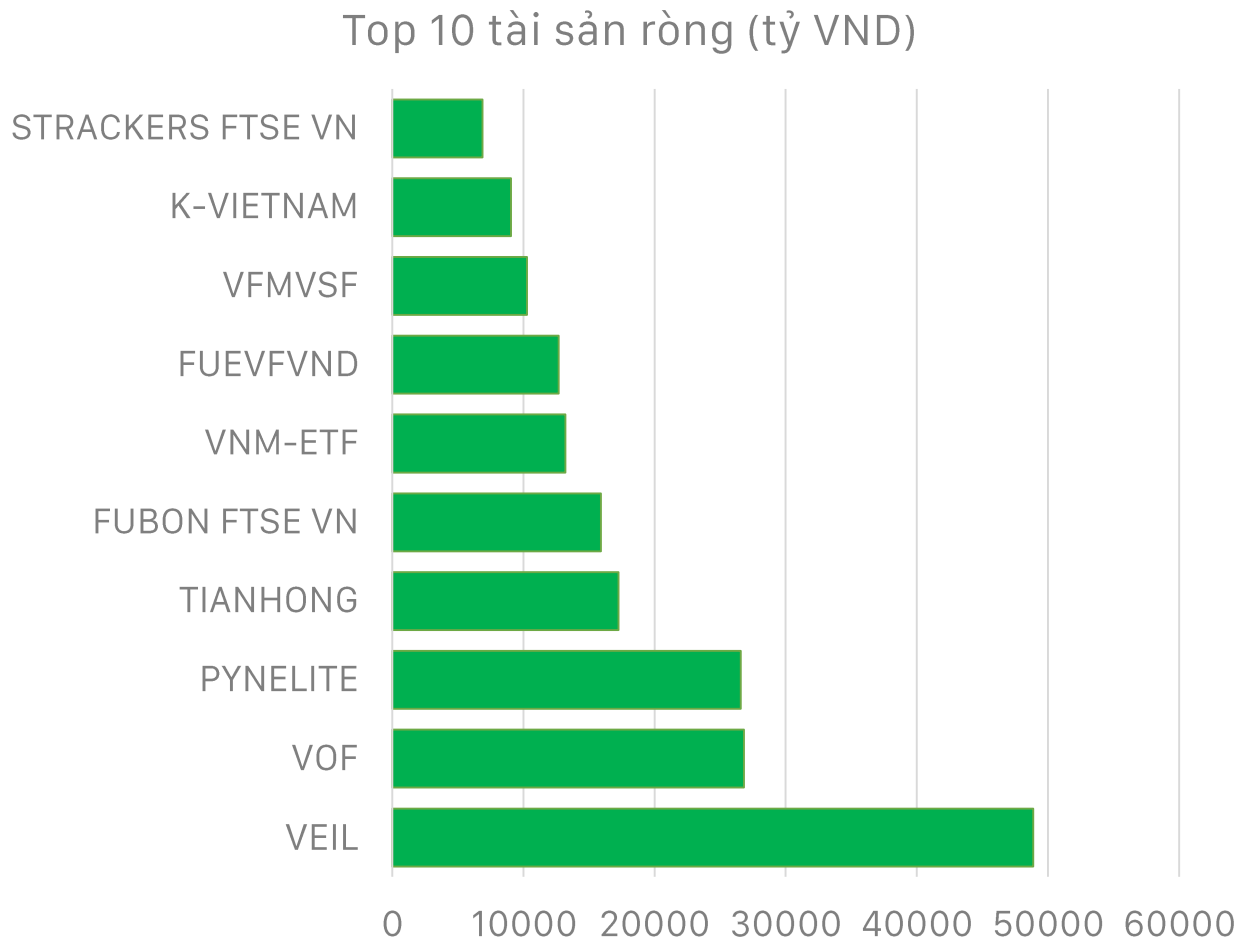
Dòng tiền của quỹ ETF (tỷ VND)



Dòng tiền của quỹ chủ động (tỷ VND)

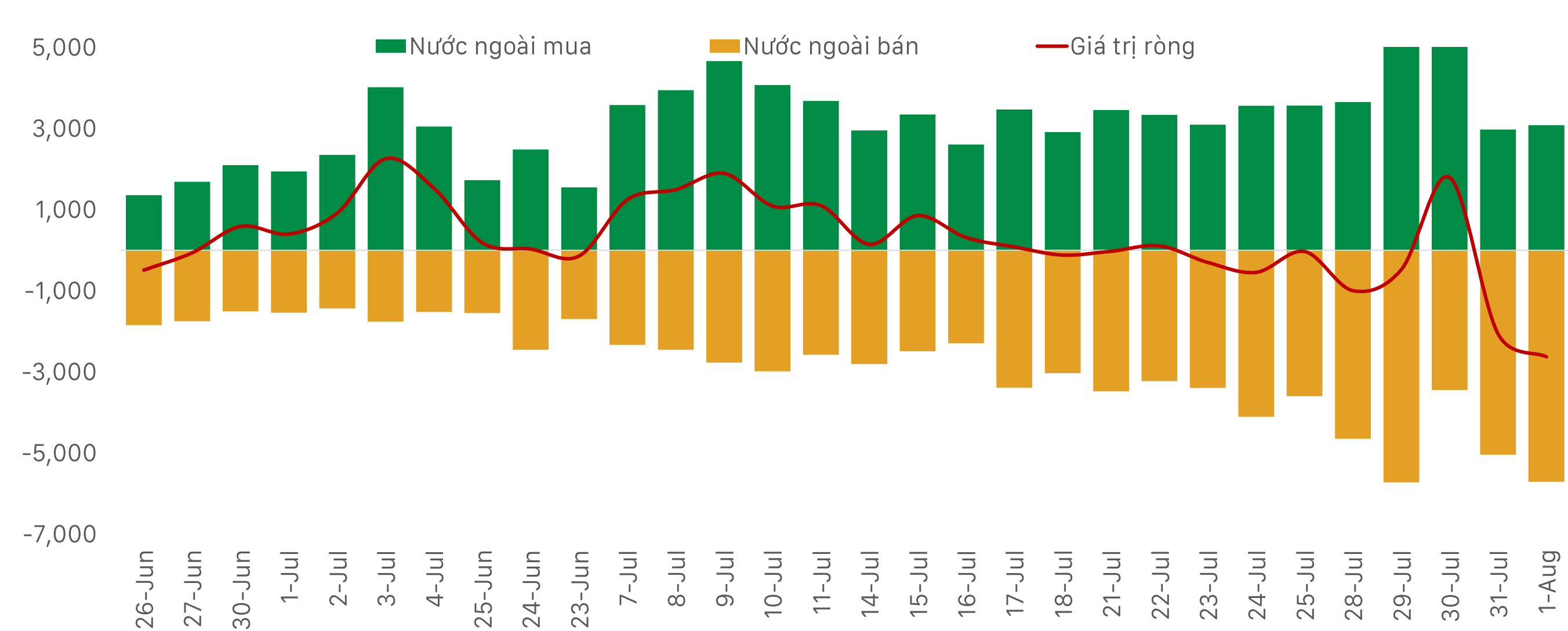


Top 10 tài sản ròng (tỷ VND)

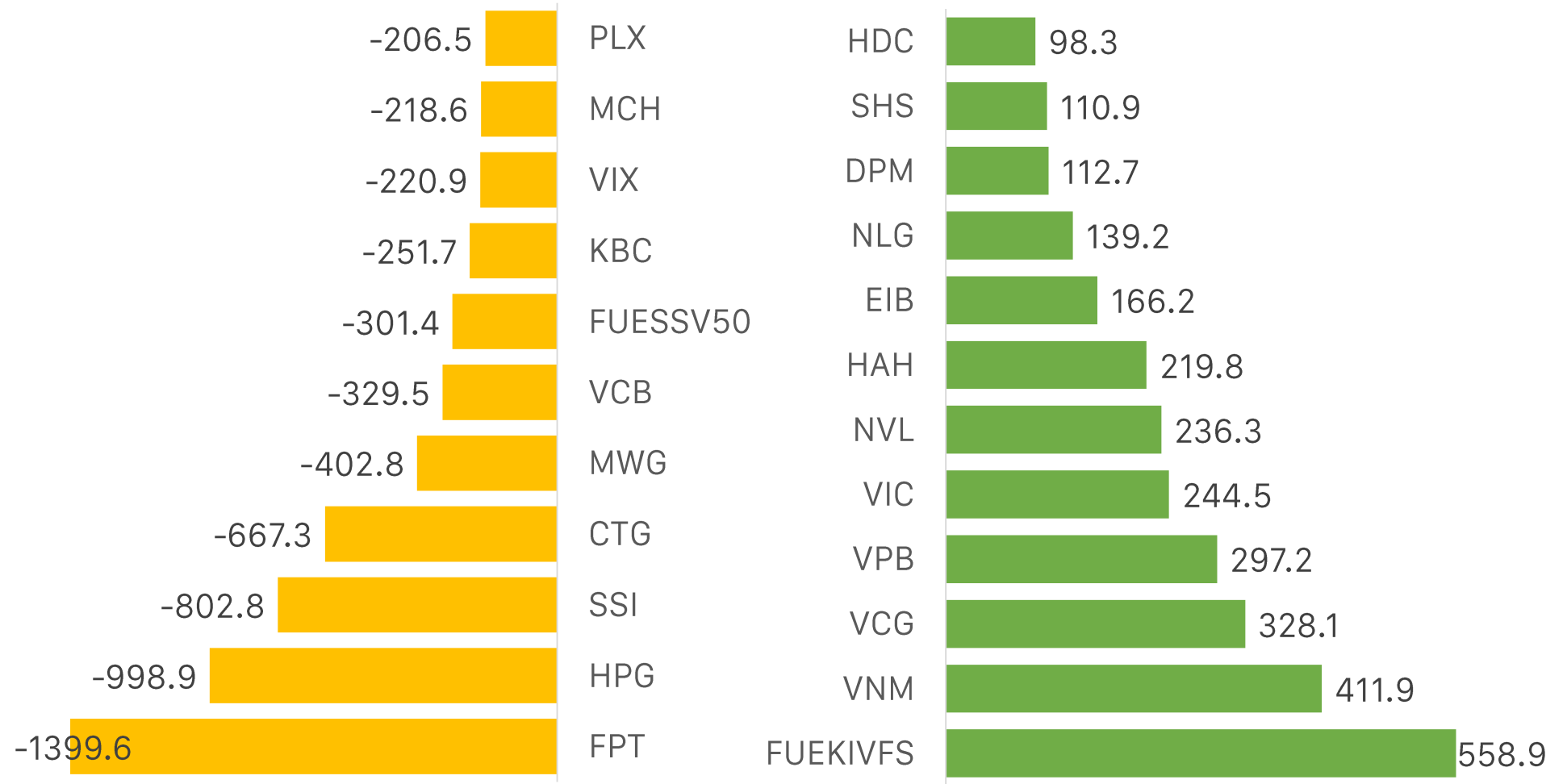


- Trong khu vực Châu Á không bao gồm Nhật Bản (Asia ex-Japan), Quỹ Cổ phiếu Hàn Quốc (Korea Equity Funds) thu hút 506 triệu USD, mức cao nhất trong hơn hai năm, nhờ kỳ vọng kích thích tài khóa từ Tổng thống mới Lee Jae-myung và giảm nguy cơ tăng giá dầu. Quỹ Cổ phiếu Ấn Độ (India Equity Funds) ghi nhận dòng tiền cao nhất trong tám tuần, nhờ lạm phát giảm xuống 2,1% vào tháng 6 (thấp nhất trong hơn 5 năm) do giá thực phẩm giảm, làm tăng hy vọng về cắt giảm lãi suất. Quỹ Cổ phiếu Đài Loan (Taiwan Equity Funds) và Quỹ Cổ phiếu Trung Quốc (China Equity Funds) cũng ghi nhận dòng tiền tích cực, với Trung Quốc đạt hai tuần流入 liên tiếp lần đầu tiên kể từ đầu tháng 4.
- Các thị trường mới nổi, đặc biệt là Ả Rập Saudi, Hàn Quốc, Ấn Độ, và Việt Nam, đang thu hút dòng tiền đáng kể nhờ các yếu tố địa chính trị, chính sách tiền tệ, và kỳ vọng kinh tế tích cực, trong khi tâm lý thận trọng vẫn chi phối các thị trường phát triển.
- Quỹ ETF thị trường Việt Nam trong tháng 7 có sự gia tăng mạnh gần 1400 tỷ nhưng dòng tiền rút ra cũng gia tăng tương ứng gần 1000 tỷ đồng. Xu hướng gia dịch của các quỹ đầu tư đang bán ròng trở lại trong những tuần cuối tháng 7.

Giá trị mua bán khối ngoại (tỷ VND)

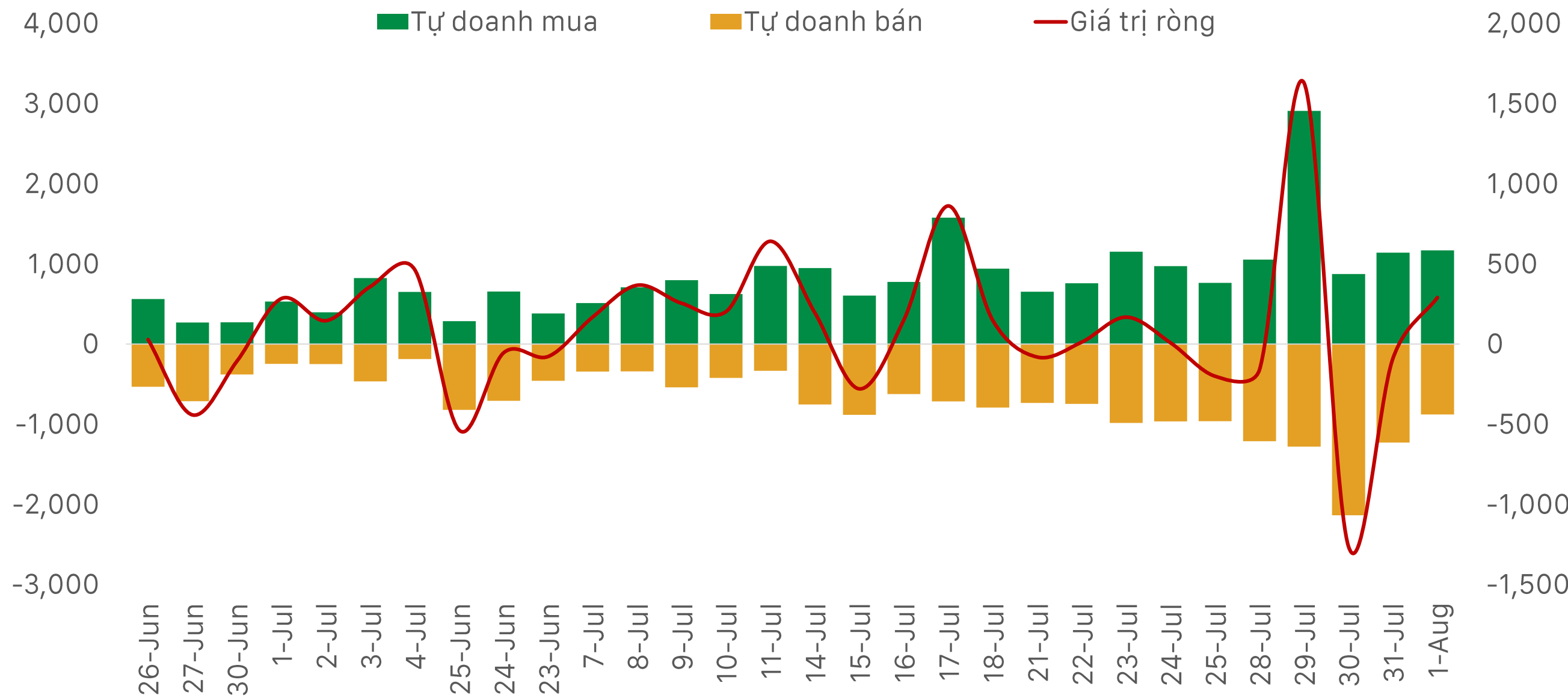


Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

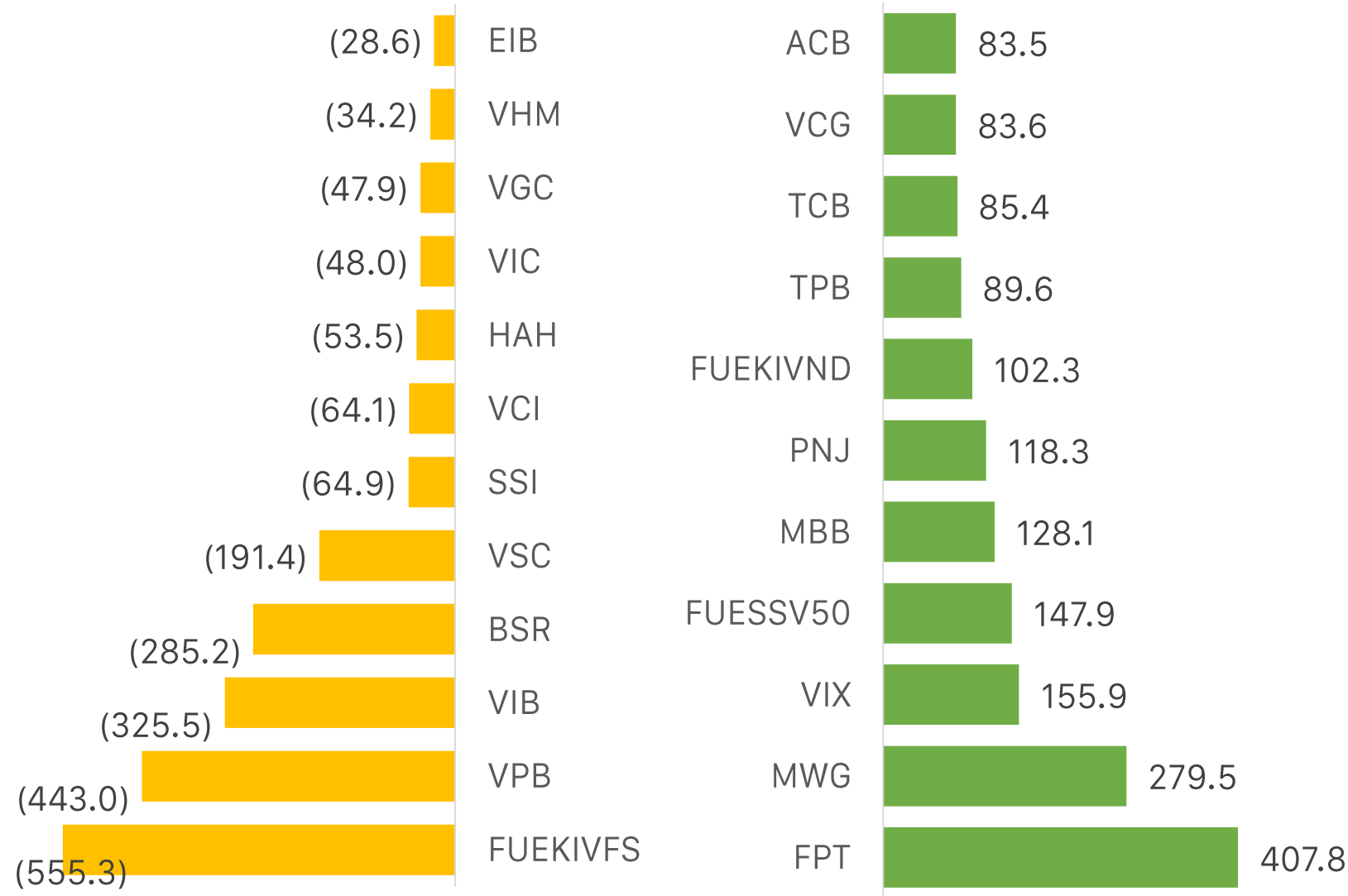


- Giá trị giao dịch của khối ngoại tăng mạnh kể từ tháng 7 trở đi và giao dịch càng nhiều ở những phiên thị trường biến động mạnh về chỉ số. Có phiên mỗi chiều mua bán của khối ngoại vượt 5000 tỷ đồng. Việc này kích thích dòng tiền khối nội tăng trưởng theo đẩy thanh khoản thị trường chung đạt kỷ lục
- Khối ngoại có xu hướng bán ròng trong 2 tuần cuối tháng 7 và gia tăng cường độ bán mạnh trong 2 phiên cuối tuần vừa qua tổng cộng hơn 4600 tỷ đồng.
- Trong tuần qua khối ngoại bán ròng nhiều nhất nhóm cổ phiếu FPT (gần 14000 tỷ), HPG (gần 1000 tỷ), SSI (hơn 800 tỷ, CTG (-667 tỷ). Ngoài FPT bán ròng liên tục từ đầu năm thì nhóm cổ phiếu SSI, CTG bán ròng mạnh khi giá cổ phiếu đã tăng trưởng mạnh. Phía mua ròng khi nhận xuất hiện VNM (411 tỷ), VCG (328 tỷ), VPB (297 tỷ).
- Xu hướng giao dịch của khối ngoại có xu hướng bán dần nhóm cổ phiếu đã tăng mạnh trong tháng vừa qua và mua dần lại một số nhóm cổ phiếu có tín hiệu tăng trưởng mới. Tuy nhiên áp lực bán ra vẫn nhiều hơn đáng kể so với mức mua vào.

Giá trị mua bán Tự Doanh (tỷ VND)



Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



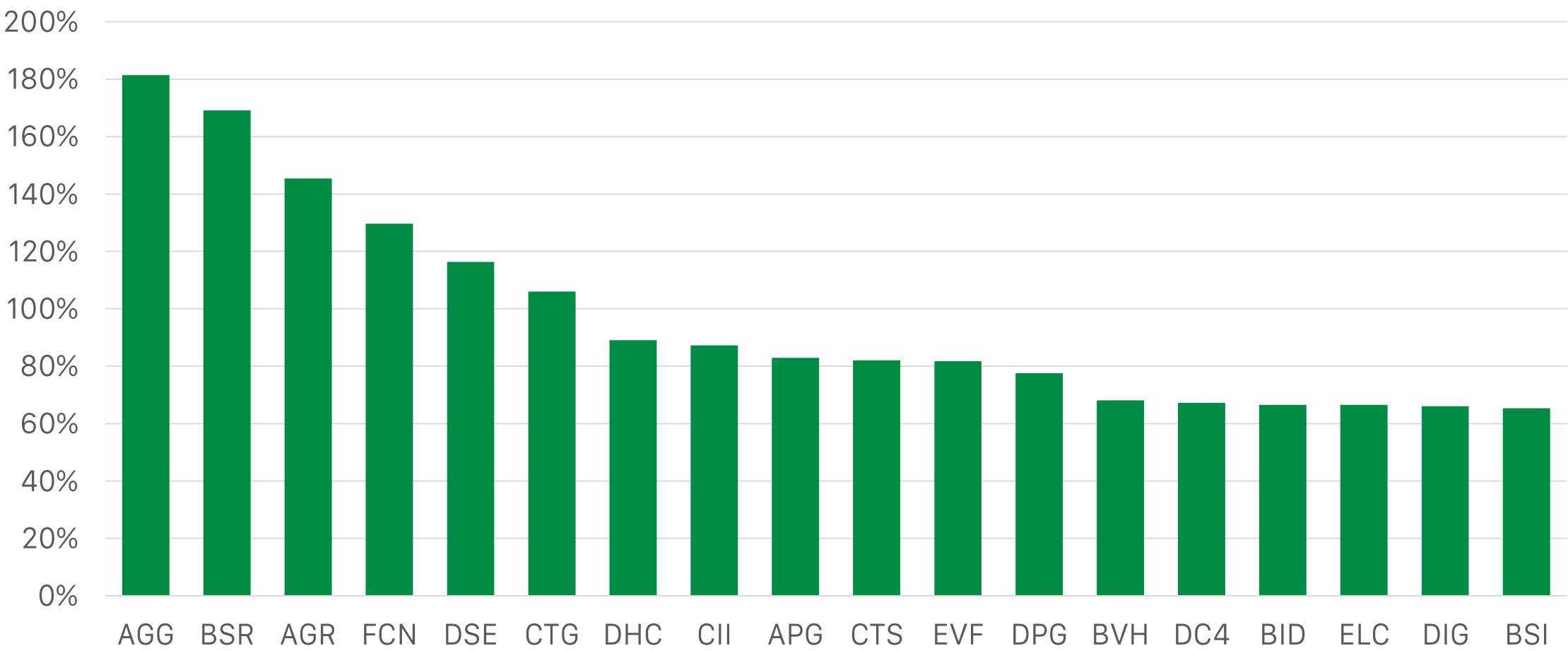
- Khối tự doanh giao dịch tăng mạnh trong tuần vừa qua đặc biệt là các phiên giao dịch cuối tuần. Xu hướng mua bán ròng biến động thất thường qua từng phiên. Tuy nhiên có thể nhận thấy khối tự doanh mua ròng nhiều hơn là bán ra. Ở phiên giao dịch cuối tuần qua nhóm tự doanh cũng mua ròng gần 300 tỷ đồng.
- Trong tuần qua nhóm tự doanh bán ròng mạnh VPB (443 tỷ). Đây là tuần thứ 2 liên tiếp nhóm tự doanh bán ròng mạnh VPB. VIB cũng bán ròng mạnh 325 tỷ đồng. Một số cổ phiếu cũng bị bán ròng tương đối như BSR, VSC, SSI, VCI, HAH.
- Phía mua ròng khối tự doanh đáng chú ý mua ròng FPT nhiều nhất 407 tỷ đồng, MWG mua ròng 280 tỷ. Một số cổ phiếu ngân hàng mua ròng đáng chú ý như MBB, TPB, TCB, ACB.

Tỷ trọng phân bố dòng tiền

Phân ngành	Tỷ trọng dòng tiền	Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh	Sức mạnh dòng tiền
Ngân hàng	26.4%	STB, MBB, SHB, VPB, OCB	
Bất động sản	21.5%	DIG, DXG, NLG, NVL	
Dịch vụ tài chính	24.2%	SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND	
Công nghệ Thông tin	3.5%	FPT, CMG, ELC	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.1%	GEX, VSC, HAH, VTP, GMD	
Thực phẩm và đồ uống	4.8%	DBC, MSN, HAG, BAF	
Xây dựng và Vật liệu	7.4%	CII, HHV, VCG	
Tài nguyên Cơ bản	5.2%	HPG, HSG, NKG	
Hóa chất	3.0%	DPM, DCM, GVR	
Bán lẻ	3.0%	MWG, DGW, PET	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.5%	POW, GEG, REE	
Dầu khí	2.6%	PVD, PVS	
Ô tô và phụ tùng	1.4%	HHS, HUT	
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.9%	TCM, TNG, PNJ	
Du lịch và Giải trí	3.0%	HVN	
Viễn thông	0.1%	VGI	
Truyền thông	0.4%	YEG	
Bảo hiểm	0.2%	BVH	
Y tế	0.2%	DCL, DBD	

- Dòng tiền trong tuần qua tập trung vào nhóm ngân hàng nhiều hơn và chiếm hơn 26% tổng giá trị giao dịch thị trường. SHB là cổ phiếu được giao dịch nhiều nhất bên cạnh VPB, TCB, HDB, MBB.
- Nhóm chứng khoán ghi nhận dòng tiền giao dịch tăng mạnh do yếu tố chốt lời và lướt sóng mạnh nhóm cổ phiếu SHS, SSI, VIX, VCI.
- Top cổ phiếu có dòng tiền đột biến nổi bật trong tuần qua: AGG, BSR, AGR, FCN, CTG. Xu hướng dòng tiền đang chuyển dịch sang nhóm hạ tầng liên quan đầu tư công và một số cổ phiếu có kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh 6 tháng đầu năm.

Cổ phiếu có dòng tiền vào gia tăng



TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH 6 THÁNG CÁC DOANH NGHIỆP



	Số DN	DT 6T.2025	DT 6T.2025	Tăng trưởng %	LN 6T.2025	LN 6T.2025	Tăng trưởng %
Ngân hàng	27	-	-		118,250	137,685	16.4%
Bất động sản	100	155,264	226,791	46.1%	16,296	27,630	69.5%
Thực phẩm và đồ uống	99	231,907	227,466	-1.9%	18,447	19,927	8.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	142	132,793	146,235	10.1%	20,003	19,767	-1.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	108	181,431	187,160	3.2%	11,493	18,682	62.5%
Tài nguyên Cơ bản	71	240,582	238,261	-1.0%	8,352	10,662	27.7%
Hóa chất	52	72,053	90,168	25.1%	6,603	9,235	39.9%
Xây dựng và Vật liệu	193	115,794	129,277	11.6%	7,308	8,540	16.9%
Du lịch và Giải trí	27	100,164	107,066	6.9%	9,467	8,435	-10.9%
Dịch vụ tài chính	41	22,181	25,754	16.1%	7,059	8,322	17.9%
Công nghệ Thông tin	16	38,194	42,843	12.2%	4,718	5,979	26.7%
Viễn thông	5	25,425	30,526	20.1%	4,300	5,012	16.6%
Dầu khí	10	285,088	309,265	8.5%	5,657	4,564	-19.3%
Bán lẻ	20	117,157	131,479	12.2%	2,798	4,409	57.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	47	70,843	68,445	-3.4%	3,296	4,213	27.8%
Ô tô và phụ tùng	12	35,523	43,827	23.4%	716	4,097	472.1%
Bảo hiểm	13	39,416	42,248	7.2%	3,278	3,695	12.7%
Y tế	39	20,821	21,623	3.9%	2,029	1,844	-9.1%
Truyền thông	24	9,869	10,924	10.7%	(343)	299	
	1046	1,894,507	2,079,359	9.8%	249,726	302,997	21.3%

- Đã có hơn 1000 doanh nghiệp trên cả 3 sàn công bố báo cáo lợi nhuận 6 tháng đầu năm. Năm nay các doanh nghiệp tăng trưởng không đồng đều và có một số ngành tăng trưởng âm như dầu khí, y tế.
- Các nhóm ngành lớn như ngân hàng tăng trưởng lợi nhuận ở mức khá 16%. Các nhóm ngành hóa chất tăng trưởng gần 40% đặc biệt là ở các doanh nghiệp đầu ngành như GVR, DPM, DCM.
- Các nhóm ngành Xây dựng vật liệu, Viễn Thông, bán lẻ tăng trưởng khá.
- Các doanh nghiệp nổi bật 6 tháng đầu năm tính đến thời điểm này: VIX, GEE, MBB, VPB, STB, VIC

CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT



Thị trường vẫn trong xu hướng tăng trung hạn tuy nhiên áp lực điều chỉnh sẽ tăng dần khi kết quả kinh doanh các doanh nghiệp quý 2 công bố gần hết. Thị trường có thể có nhiều pha điều chỉnh và rung lắc nhiều hơn. Các nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán, hóa chất, bán lẻ đang được nhà đầu tư giao dịch nhiều nhất.

Danh mục cổ phiếu quan tâm:

- Ngân hàng: STB, TCB
- Bán lẻ, thực phẩm: MWG, HAG

STT	CP	Giá mục tiêu	Lợi suất kỳ vọng (%)	EPS	PE	Điểm nhấn đầu tư
1	STB	55,000	16.9%	5,767	8.16	- Tăng trưởng lợi nhuận đạt kỳ vọng nhờ tín dụng tăng trưởng tốt và cải thiện NIM; chất lượng tài sản ổn định dù còn thách thức. - Chuẩn bị hoàn tất đấu giá khoản nợ đảm bảo bằng cổ phần của Trầm Bê, có tiềm năng tăng đáng kể lợi nhuận và giá trị sổ sách. - STB lên kế hoạch mua cổ phần chi phối tại một công ty chứng khoán nhằm mở rộng dịch vụ môi giới và ngân hàng đầu tư. - Nâng vốn điều lệ qua ESOP và cổ phiếu thưởng, báo hiệu giai đoạn tăng trưởng tích cực mới sau tái cấu trúc.
2	TCB	40,000	14.4%	3,013	11.60	- Phục hồi của thị trường bất động sản và kỳ vọng niêm yết TCBS sẽ hỗ trợ đà tăng giá cổ phiếu TCB. - Nhu cầu vay thế chấp cùng việc thu hồi lãi trả chậm từ danh mục cho vay linh hoạt giúp NIM dự kiến phục hồi hơn 20bps đến năm 2026. Thu nhập phí bất đầu cải thiện nhờ hợp đồng bancassurance mới ký với AIA và TCA. - TCBS có lợi nhuận ròng năm 2024 đạt 3,85 nghìn tỷ đồng, định giá khoảng 73 nghìn tỷ đồng (~30% vốn hóa TCB), dựa trên mức P/E tương đương nhóm công ty chứng khoán hàng đầu.
3	MWG	75,000	13.1%	2,977	22.27	- MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng. - BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY. - MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động. - MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.
4	HAG	16,000	18%	1,084	12.32	- HAG đã tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả, lợi nhuận ổn định đạt 1.000 tỷ đồng năm 2024, quý 1/2025 đạt doanh thu 1.380 tỷ và lợi nhuận 341 tỷ, mục tiêu năm 2025 đạt doanh thu 5.500 tỷ và lợi nhuận sau thuế trên 1.100 tỷ đồng. - Triển khai 2.000ha dâu nuôi tằm sản xuất tơ xuất khẩu, 2.000ha cà phê Arabica và thí điểm nuôi 700.000 con cá tằm tại Lào, dự kiến thu hoạch vào tháng 9-10/2025. - Khoản vay ngắn hạn hơn 6.000 tỷ đồng, nợ dài hạn 1.435 tỷ đồng, tỷ lệ nợ vay/VCSH giảm từ 180% (2020) xuống còn 77%, lỗ lũy kế giảm mạnh còn khoảng 82,7 tỷ, kỳ vọng xóa hết lỗ lũy kế trong năm 2025.

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	55,000
% tăng giá	16.9%
Vùng giá mua	45,000 – 47,000
Giá dừng lỗ	40,000

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Trong quý 1.2025, ngân hàng STB đạt lợi nhuận gần 2,900 tỷ đồng tăng trưởng 37% so với cùng kỳ. Về mục tiêu kinh doanh năm 2025, Sacombank đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 14.650 tỷ đồng – tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng hai con số trong chặng cuối của giai đoạn tái cơ cấu. STB có thể tiếp tục đà tăng trưởng mạnh trong các quý còn lại của năm và dự báo quý 2 có thể tăng trưởng lợi nhuận khoảng 25% so với quý 1 lên trên 3,500 tỷ. Lợi nhuận tăng trưởng của của STB đến từ khả năng hoàn nhập dự phòng và kiểm soát chi phí vận hành hiệu quả. STB đang sắp hoàn tất quá trình tái cấu trúc nợ và chuyển sang giai đoạn tăng tốc phát triển.
- STB đã hoàn thành 13/14 bước tái cấu trúc; bước cuối cùng là đấu giá khoản nợ được đảm bảo bằng 32,5% cổ phần của Trầm Bê. Tổng giá trị nợ gốc là 6.611 tỷ đồng và lãi cộng dồn 13.450 tỷ đồng, cần giá đấu khoảng 33.200 đồng/cp để thu hồi đủ. STB cho biết, ngay cả khi đấu giá thành công, Trầm Bê cũng sẽ không nhận được khoản dư nào do nghĩa vụ lãi rất lớn từ các khoản vay khác. STB có thể thu hồi giá trị tiềm năng khoảng 15 nghìn tỷ đồng (tương đương lợi nhuận sau thuế khoảng 20 nghìn tỷ đồng). Điều này đồng nghĩa lợi nhuận ròng 2025 có thể tăng 128%, hoặc giá trị sổ sách (BVPS) tăng 23% lên 43.700 đồng/cp.
- STB dự kiến mua lại trên 50% cổ phần tại một công ty chứng khoán, với vốn đầu tư tối đa 1.500 tỷ đồng, không bao gồm công ty con đã thoái vốn trước đây (SBS). Đây là bước chuyển đổi chiến lược từ mô hình ngân hàng truyền thống sang mô hình ngân hàng đa năng, cung cấp thêm dịch vụ môi giới và ngân hàng đầu tư.

Phân tích kỹ thuật

STB đang có sự bứt phá quanh nền giá 47 kéo dài gần 1 tháng qua lên mức đỉnh mới trên 50. STB đang thiết lập xu hướng tăng giá mới với mục tiêu tiếp theo quanh vùng 55-57. Các chỉ báo RSI hiện quay lại xu hướng tăng và vượt qua 70. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ STB và có thể mua thêm nếu cổ phiếu rung lắc về quanh 47-48. Mục tiêu trung hạn từ 1 – 3 tháng là 55,000.



STB	2020	2021	2022	2023	2024	Q1.2025
Vốn chủ sở hữu	28,956	34,261	38,627	45,734	54,972	57,862
Vốn điều lệ	18,852	18,852	18,852	18,852	18,852	20,602
Thu nhập lãi thuần	11,527	11,964	17,147	22,072	24,532	6,863
Lợi nhuận sau thuế	2,682	3,411	5,041	7,719	10,087	2,897
EPS	1,206	1,595	2,674	4,094	4,751	1,537
Tỉ lệ CASA	18.7%	22.5%	18.9%	18.3%	17.9%	17.2%
P/B	2.2	1.4	1.5	1.5	1.6	1.5
BVPS (VND)	15,360	18,174	20,489	24,259	29,160	30,693
ROE (%)	9.6%	10.8%	13.8%	18.3%	20.0%	20.4%
NIM (%)	2.7%	2.6%	3.3%	3.7%	3.6%	3.5%
LDR (%)	78.2%	89.1%	95.2%	93.0%	93.6%	94.6%
Chi phí/ Thu nhập (%)	63.1%	55.1%	41.8%	49.2%	48.8%	50.4%
Tỉ lệ nợ xấu (%)	1.7%	1.5%	1.0%	2.3%	2.4%	2.5%
Dự phòng RR tín dụng/ Nợ xấu	93.7%	118.6%	131.0%	68.8%	68.4%	74.7%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	40,000
% tăng giá	14.4%
Vùng giá mua	33,000 – 35,000
Giá dừng lỗ	29,000

Phân tích kỹ thuật

TCB đã tích lũy quanh vùng giá 34 trong 3 tuần và vừa có phiên đột phá về giá thiết lập đỉnh mới quanh 36. TCB vẫn đang trên kênh giá tăng trung hạn và chưa xuất hiện tín hiệu đảo chiều dù các chỉ báo cho thấy TCB đang ở trong vùng quá mua. Giá TCB có thể dao động quanh vùng 35-36 một thời gian. Vùng mua mới có thể mở quanh 34,000-35,000. Mục tiêu từ 1-3 tháng là vùng giá 40,000.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Techcombank là một trong những ngân hàng thương mại lớn nhất thị trường Việt Nam. Techcombank liên tục được vinh danh trong Top 10 Ngân hàng Thương mại Việt Nam uy tín, Top 100 Ngân hàng Thế giới, và nhiều giải thưởng quốc tế.
- Vốn điều lệ của Techcombank đạt 78,413 tỷ đồng thuộc nhóm top đầu. Hiệu quả kinh doanh của TCB rất ấn tượng với lợi nhuận hàng năm trên 20 ngàn tỷ đồng. Tỷ lệ CASA của Techcombank duy trì tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) cao nhất trong ngành 36%, giúp giảm chi phí vốn và tăng hiệu quả kinh doanh. Ở chất lượng tài sản, TCB duy trì tỷ lệ nợ xấu thấp (1.1% năm 2024) và tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao (113,94%) cho thấy khả năng kiểm soát chất lượng tín dụng vượt trội.
- Theo kế hoạch 2025, Techcombank đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 31,500 tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm trước. Để đạt được kết quả này, Techcombank dự kiến tăng trưởng tín dụng ở mức 16.4%. Bên cạnh đó, Techcombank cũng trình cổ đông phương án phát hành hơn 21.38 triệu cổ phiếu ESOP với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Nếu phát hành thành công, vốn điều lệ sẽ tăng lên hơn 70.862 tỷ đồng.
- Câu chuyện của TCB hấp dẫn năm nay nằm ở kế hoạch IPO TCBS. Hiện tại, TCBS có vốn điều lệ 20,802 tỷ đồng. Công ty dự kiến chào bán 231,2 triệu cổ phiếu. Nếu chào bán thành công, vốn điều lệ của TCBS sẽ tăng lên 23.113 tỷ đồng. TCBS hiện do Techcombank sở hữu 94,07% cổ phần. Việc IPO thành công TCBS sẽ mang lại lợi thế lớn cho TCB.



TCB	2020	2021	2022	2023	2024	Q1.2025
Vốn chủ sở hữu	74,615	93,041	113,425	131,616	147,940	153,953
Vốn điều lệ	35,049	35,109	35,172	35,225	70,649	78,413
Thu nhập lãi thuần	18,751	26,699	30,290	27,691	35,508	8,305
Lợi nhuận sau thuế	12,582	18,415	20,436	18,191	21,760	6,014
EPS	3,510	5,131	5,729	5,111	3,041	842
Tỉ lệ CASA	44.3%	47.0%	34.3%	38.0%	35.9%	33.7%
P/B	2.3	1.1	1.1	0.7	1.5	1.4
BVPS (VND)	21,151	26,259	31,927	36,990	20,583	21,425
ROE (%)	18.1%	21.7%	19.7%	14.8%	15.6%	14.7%
NIM (%)	4.9%	5.7%	5.3%	4.0%	4.2%	4.0%
LDR (%)	99.2%	109.2%	116.0%	112.7%	116.9%	123.2%
Chi phí/ Thu nhập (%)	32.8%	30.1%	32.1%	33.1%	32.7%	28.3%
Tỉ lệ nợ xấu (%)	0.5%	0.7%	0.7%	1.2%	1.1%	1.2%
Dự phòng RR tín dụng/ Nợ xấu	171.0%	162.9%	157.3%	102.1%	113.9%	111.6%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	75,000
% tăng giá	13.1%
Vùng giá mua	64,000 – 66,000
Giá dừng lỗ	59,000

Phân tích kỹ thuật

MWG duy trì đà tăng vững chắc từ vùng giá 64 lên vùng giá mới quanh 70. Các chỉ báo kỹ thuật cho xu hướng tăng trung hạn với mục tiêu gần nhất quanh 75. Giá 75 cũng là đỉnh giá cao nhất vào giữa năm 2022. Với yếu tố cơ bản hỗ trợ và đường giá đang trong kênh tăng trung hạn, MWG có thể trở lại đỉnh kháng cự cũ và thiết lập đỉnh mới quanh 80 trong từ 1 đến 3 tháng tới.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) vừa công bố ghi nhận doanh thu 5 tháng đầu năm 2025 đạt 61.229 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2024 và hoàn thành 41% kế hoạch doanh thu cả năm. Đây là kết quả kinh doanh khả qua trong bối cảnh ngành bán lẻ đang cạnh tranh gay gắt và xu hướng tiêu dùng đang chững lại.

- Chuỗi Thế Giới Di Động (TGDĐ) và Điện Máy Xanh (ĐMX): đạt doanh thu 41.000 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ. Riêng tháng 5/2025, doanh thu đạt 8.400 tỷ đồng, mức cao nhất kể từ sau Tết Nguyên Đán. Các ngành hàng chủ lực như điện thoại, máy tính bảng và laptop ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng từ 20% - 50% so với cùng kỳ, nhờ nhu cầu công nghệ cao và chiến lược kinh doanh hiệu quả. MWG chủ động tổ chức các buổi sale liên tục kích cầu tiêu dùng và điều này tạo hiệu ứng thu hút khách hàng và tăng trưởng doanh thu.
- Chuỗi Bách Hóa Xanh (BHX): đạt doanh thu 18.900 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ, dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng trong các chuỗi kinh doanh của MWG. Tăng trưởng được thúc đẩy bởi hai nhóm ngành hàng chính: thực phẩm tươi sống và hàng tiêu dùng nhanh (FMCG). Chuỗi đã mở mới 410 cửa hàng, vượt kế hoạch đề ra (200 - 400 cửa hàng), với hơn 50% cửa hàng mới tập trung tại khu vực miền Trung. Các cửa hàng mới đạt lợi nhuận dương ở cấp độ cửa hàng sau khi trừ chi phí vận hành trực tiếp. Chuỗi BHX sẽ là chuỗi chủ lực của MWG trong thời gian tới và đóng góp doanh thu quan trọng.
- MWG hiện đang sở hữu 1.015 cửa hàng TGDĐ (bao gồm Topzone), 2.025 cửa hàng ĐMX, 2.180 cửa hàng BHX, 326 nhà thuốc An Khang, 62 cửa hàng AVA Kids và 107 cửa hàng Era Blue.



MWG	2020	2021	2022	2023	2024	2025Q1
Doanh thu (tỷ VND)	108,546	122,958	133,405	118,280	134,341	36,135
Lợi nhuận (tỷ VND)	3,918	4,899	4,100	168	3,722	1,546
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	23,954	27,632	30,862	22,521	27,499	7,200
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(594)	(674)	(1,362)	(1,448)	(1,137)	(323)
KLCP DLH (triệu CP)	453	713	1,464	1,463	1,462	1,462
VCSH (tỷ VND)	15,482	20,378	23,933	23,360	28,122	29,669
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	46,031	62,971	55,834	60,111	70,438	72,679
Book Value	34,160	28,578	16,349	15,963	19,232	20,290
EPS	8,644	6,870	2,801	115	2,545	2,985
ROE	25.3%	24.0%	17.1%	0.7%	13.2%	14.7%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	15,625	24,647	10,688	19,129	27,300	26,222
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	1,127	-	5,901	5,985	-	-
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	16,752	24,647	16,589	25,114	27,300	26,222
Nợ Vay/VCSH	108.2%	120.9%	69.3%	107.5%	97.1%	88.4%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	16,000
% tăng giá	12.4%
Vùng giá mua	13,000 – 13,300
Giá dừng lỗ	13,000

Phân tích kỹ thuật

HAG vừa vượt qua khỏi vùng giá tích lũy 13-14 và tạo vùng đỉnh mới gần 15. Đây là mục tiêu ngắn hạn mà chúng tôi thiết lập trước đó. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn trong trạng thái tích cực với RSI trên 50. MACD đã hoàn thành giai đoạn tích lũy và hình thành đợt tăng mới. Động lực của HAG hiện vẫn mạnh và chưa thấy tín hiệu đảo chiều. Chúng tôi nâng mục tiêu của HAG lên vùng giá 16 và có thể hướng đến 17 từ 1 đến 3 tháng tới.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- HAG đã có thời gian tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả trong thời gian qua. Hoạt động kinh doanh đang dần có dấu hiệu khởi sắc với lợi nhuận năm 2024 tiếp tục duy trì lên 1000 tỷ đồng. Quý 1.2025 HAG đạt doanh thu 1,380 tỷ đồng và lợi nhuận 341 tỷ. Năm 2025, HAG đặt mục tiêu doanh thu 5,500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 1,100 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm trước. HAGL cũng đang đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực mới, bao gồm trồng 2.000ha dâu nuôi tằm để sản xuất tơ xuất khẩu và 2.000ha cà phê Arabica. Song song đó, dự án nuôi cá tằm đang được thí điểm tại Lào với 700.000 con giống, dự kiến cho thu hoạch lứa đầu vào tháng 9 – 10 năm nay.
- Vừa qua các cổ đông lớn của HAG đã có những động thái mới đáng chú ý. Chủ tịch HĐQT Đoàn Nguyên Đức (bầu Đức) đã hoàn tất mua vào 10 triệu cổ phiếu HAG trong phiên 19/6 vừa qua theo hình thức thỏa thuận. Sau thương vụ, bầu Đức sở hữu 330 triệu cổ phiếu HAG, nâng tỷ lệ nắm giữ từ 30,26% lên 31,2% cổ phần. 2 Thành viên HĐQT cũng đăng ký mua vào 1 triệu cổ phiếu từ ngày 23/6 – 22/7.
- Theo báo cáo quý 1, hiện tại HAG còn khoản vay ngắn hạn hơn 6,000 tỷ và nợ dài hạn 1,435 tỷ. Tỷ lệ nợ vay trên VCSH còn 77%, giảm mạnh so với mức 180% hồi 2020. Tính đến cuối quý I/2025, lỗ lũy kế thu hẹp đáng kể, còn khoảng 82,7 tỷ đồng. Có thể kỳ vọng kết thúc Q2/2025, HAG sẽ xóa được lỗ lũy kế và ra khỏi diện cảnh báo.



HAG	2020	2021	2022	2023	2024	2025Q1
Doanh thu (tỷ VND)	3,177	2,097	5,111	6,932	5,783	1,380
Lợi nhuận (tỷ VND)	(1,256)	203	1,129	1,709	1,013	341
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	206	507	1,173	1,364	2,172	564
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(1,254)	(972)	(793)	271	(716)	(143)
KLCP DLH (triệu CP)	927	927	927	927	1,057	1,057
VCSH (tỷ VND)	10,028	4,673	5,195	6,726	9,326	9,743
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	37,266	18,440	19,798	21,528	22,281	23,479
Book Value	10,812	5,039	5,601	7,252	8,819	9,214
EPS	(1,354)	219	1,217	1,843	958	1,081
ROE	-12.5%	4.3%	21.7%	25.4%	10.9%	11.7%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	8,772	2,510	4,000	4,829	5,748	6,069
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	9,331	5,777	4,165	3,082	1,217	1,435
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	18,103	8,286	8,166	7,910	6,965	7,504
Nợ Vay/VCSH	180.5%	177.3%	157.2%	117.6%	74.7%	77.0%

LỊCH SỰ KIỆN



Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
 Công bố chỉ số PMI Dịch vụ cuối cùng của S&P Global (tháng 7), dự kiến phản ánh sức khỏe của ngành dịch vụ sau dữ liệu việc làm yếu kém tuần trước	 Công bố chỉ số PMI Dịch vụ khu vực đồng euro (tháng 7), dự kiến cho thấy sự phục hồi chậm của ngành dịch vụ sau các hạn chế COVID-19 trước đó.	 Báo cáo cán cân thương mại tháng 6, dự kiến cho thấy thâm hụt thương mại tăng do tác động từ các chính sách thuế quan mới của Tổng thống Trump.	 Báo cáo tín dụng tiêu dùng tháng 6, cung cấp thông tin về xu hướng chi tiêu và nợ hộ gia đình, ảnh hưởng đến tâm lý thị trường chứng khoán.	 Công bố kế hoạch kích thích kinh tế mới, tập trung vào hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhằm đối phó với suy thoái kinh tế toàn cầu.
 Hội nghị thượng đỉnh Trung Quốc-ASEAN tại Bắc Kinh, thảo luận về hợp tác kinh tế và thương mại, có thể ảnh hưởng đến các hiệp định thương mại khu vực.	 Cáo chỉ số ISM Dịch vụ (tháng 7), một chỉ báo quan trọng về hoạt động kinh tế phi sản xuất, dự kiến ảnh hưởng đến kỳ vọng lãi suất Fed.	 Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) công bố biên bản cuộc họp chính sách tiền tệ gần nhất, cung cấp manh mối về khả năng điều chỉnh lãi suất trong bối cảnh lạm phát ổn định.	 Đức công bố dữ liệu sản xuất công nghiệp tháng 6, phản ánh sức khỏe của nền kinh tế lớn nhất châu Âu, ảnh hưởng đến đồng EUR.	 Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) công bố biên bản cuộc họp chính sách tiền tệ gần nhất, có thể làm rõ kế hoạch thắt chặt chính sách trong bối cảnh đồng JPY yếu.

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	OCB	HOSE	8/8/2025	11/8/2025		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	Thưởng cổ phiếu
2	CEO	HNX	7/8/2025	8/8/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
3	HAH	HOSE	7/8/2025	8/8/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
4	HAH	HOSE	7/8/2025	8/8/2025	28/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	ACV	UPCoM	7/8/2025	8/8/2025		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:64.58	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
6	BKC	HNX	7/8/2025	8/8/2025		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1	Thưởng cổ phiếu
7	NNC	HOSE	7/8/2025	8/8/2025	29/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	TIP	HOSE	7/8/2025	8/8/2025	15/08/2025	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	ITD	HOSE	7/8/2025	8/8/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:7	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
10	DPM	HOSE	7/8/2025	8/8/2025		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:73.7476	Thưởng cổ phiếu
11	DBC	HOSE	7/8/2025	8/8/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	SSC	HOSE	6/8/2025	7/8/2025	29/08/2025	Trả cổ tức đợt 1/2024 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	BRC	HOSE	5/8/2025	6/8/2025	20/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	CII	HOSE	5/8/2025	6/8/2025		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:14	Thưởng cổ phiếu
15	MIC	HNX	4/8/2025	5/8/2025		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:55	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	TNC	HOSE	4/8/2025	5/8/2025	25/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	NBC	HNX	4/8/2025	5/8/2025	15/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	VID	HOSE	4/8/2025	5/8/2025	19/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	VFG	HOSE	4/8/2025	5/8/2025	20/08/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	PDR	HOSE	4/8/2025	5/8/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	Trả cổ tức bằng cổ phiếu



THANK YOU